TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404 /2020/HS-PT
Ngày: 20/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn
- *Các thẩm phán:* Ông Hoàng Minh Thịnh
Bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc B – Cán bộ thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 15 và 20 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 364/2019/TL PT - HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Bùi Lê Việt Kh và đồng phạm.

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 179/2019/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Bùi Lê Việt Kh; tên gọi khác: Kenny Kh, Bùi Kh; sinh năm 1983, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 11432 B, G, CA 92843, USA; tạm trú: đường Ng, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: đường M, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên trưởng phòng Kinh doanh ô tô Công ty ô tô D; Quốc tịch: Mỹ và Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Học vấn: 12/12; Cha: Bùi Xuân Ph (đã chết); Mẹ: Lê Thị Xuân M; Vợ: Lê Ngọc Phương A; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 07/6/2016, ngày 21/10/2016 được tại ngoại. Bị cáo có mặt.

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Luật sư Trần Đại Ngh – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Nguyễn Tiến D; sinh năm 1962, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Nguyễn Tiến Tr (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977; Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 18/6/2015, đến ngày 30/6/2016 được tại ngoại. Bị cáo có mặt

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Trần Giáng H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Lê Đình Tr, sinh năm 1961 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn 5, xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 10/10; Cha: Lê Đình Ch (chết); Mẹ: Trần Thị T (chết); Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; Có 4 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Bào chữa chỉ định cho bị cáo có luật sư: Luật sư Phan Thành T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đinh Văn H, sinh năm 1969 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú thôn 1, xã L2, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Nguyên Phó Trưởng Công an xã L2; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 9/12; Cha: Đinh Tr (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Ch (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966; Có 4 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Bào chữa chỉ định cho bị cáo có luật sư: Nguyễn Thượng Th – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

5. Đậu Ngọc T; sinh năm 1973, tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: đường L, Phường 1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Đảng phái: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Học vấn: 12/12; Cha: Đậu Ngọc M (chết); Mẹ: Trần Thị H; Vợ: Thân Thị S, sinh năm 1978; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

Bào chữa chỉ định cho bị cáo có luật sư: Trịnh Ngọc Hoàn V – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đoàn Văn T1, sinh năm 1973 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú đường Ng, phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng. Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm vườn; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Học vấn: 6/12; Cha: Đoàn Văn Th; Mẹ: Mai Thị A; Vợ: Nguyễn Thị Th H, sinh năm 1982; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Vắng mặt.

Bào chữa chỉ định cho bị cáo có luật sư: Trịnh Ngọc Hoàn V – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

7. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú đường Ng, phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh nhà hàng; Học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Văn Q (chết); Mẹ: Lê Thị A; Vợ: Thân Thị H, sinh năm 1980; Có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Bào chữa chỉ định cho bị cáo có luật sư: Nguyễn Thị Minh Phương – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

8. Nguyễn Đức Th1; sinh năm 1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 13593 N W CA 92683; tạm trú: đường X, Phường 17, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lắp ráp vi tính ở Mỹ; Quốc tịch: Mỹ và Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Học vấn: 9/12; Cha: Nguyễn Kim Tr; Mẹ: Đỗ Thị Bích L; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1968; Có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – Vắng mặt

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Luật sư Phan Thành T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

9. Võ Thị Huyền Tr1; tên gọi khác: Tr1 Vo; sinh năm 1958, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 4609 W #2 – S Ca - 92704 - USA; tạm trú: đường số 3, Cư xá L3, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Mỹ, Việt Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Võ Trọng H; Mẹ: Nguyễn Thị Th; CH: Tôn Thất Th, sinh năm 1957 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Bùi Quang H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

10. Nguyễn Đức D1; tên gọi khác M D Nguyen; sinh năm 1971, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 706 P CT, S 95111; chỗ ở: đường Ng1, phường 3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Mỹ, Việt Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giặt ủi; Cha: Nguyễn Phưng Th (chết); Mẹ: Nguyễn Thị M; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Bùi Quang H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Hàn Quang A; tên gọi khác: A Han; sinh năm 1944, tại tỉnh Nghệ An; tạm trú: đường Đ, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Mỹ và Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Nghề nghiệp:

Nghỉ hưu; Học vấn: 12/12; Cha:Hàn Quang Th (chết); Mẹ: Trần Thị Th (chết); Có vợ đã ly hôn, có 08 con, lớn sinh năm 1968, nhỏ năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Nguyễn Thị Thùy L3 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

12. Nguyễn Minh H; tên gọi khác H Nguyen; sinh năm 1962, tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: M ST.SPC 53 W USA; tạm trú: đường A, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhạc công; Cha: Nguyễn Văn Đ; Mẹ: Phạm Thị Lê Ng; Vợ: Hà Thị Kim D, sinh năm 1990; Có 01 con, sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

Bào chữa cho bị cáo có luật sư: Bùi Quang H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

13. Nguyễn Gia Th2; sinh năm 1970, tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn 4, xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Đảng phái: Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Học vấn: 12/12; Cha: Nguyễn Gia L (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Thu Ph; Vợ: Trương Thị V, sinh năm 1975; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

14. Trần Văn B (*bị kháng nghị phần dân sự*), sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú đường P, xã G, huyện Th, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Trần Long Đ; Mẹ: Nguyễn Thị Bạch T; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 26/10/2015 đến ngày 04/6/2019 được trả tự do. - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Th H, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P1, phường B3, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Trương Công H, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng1, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lý Th T, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường A1, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường A1, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Lâm Nguyên M, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: chung cư P2, phường P2, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng và nội dung án sơ thẩm nêu hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Ngày 09/6/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 118/2009/TT-BTC hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam. Tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư quy định "Người Việt Nam định cư ở nước ngoài được phép hồi hương được nhập khẩu một chiếc xe ô tô cá nhân đang sử dụng". Ngày 06/12/2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 194/2010/TT-BTC hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu". Tại điểm c khoản 2 Điều 101 của Thông tư quy định:

Hàng hóa là tài sản di chuyển của gia đình, cá nhân người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài được phép về Việt Nam định cư hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài; hàng hóa là tài sản di chuyển của người nước ngoài mang vào Việt Nam khi được phép định cư tại Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài khi được phép định cư ở nước ngoài. Riêng xe ô tô, xe mô tô đang sử dụng của gia đình, cá nhân mang vào Việt Nam khi được phép định cư tại Việt Nam chỉ được miễn thuế nhập khẩu mỗi thứ một chiếc cho mỗi hộ gia đình. Việc xác định hàng hoá là tài sản di chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Thông tư số 118/2009/TT- BTC ngày 9/6/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng theo chế độ tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã hoàn tất thủ tục đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Ngày 12/5/2011, Bộ Công thương ban hành Thông tư số 20/2011/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 26/6/2011. Nội dung quy định "Thương nhân nhập khẩu ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống khi làm thủ tục nhập khẩu, ngoài việc thực hiện các quy định hiện hành, phải nộp bổ sung những giấy tờ sau cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Giấy chỉ định hoặc Giấy ủy quyền là nhà nhập khẩu, nhà phân phối của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó hoặc hợp đồng đại lý của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật".

Ngày 11/01/2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 06/2012/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT, hướng dẫn thi hành Nghị

định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 và Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ. Tại điểm d, khoản 19, Điều 4 của Thông tư quy định: Đối tượng không chịu thuế GTGT là đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về miễn trừ ngoại giao; hàng là đồ dùng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về nước mang theo.

Trong năm 2012, 2013 H Phạm, Bùi Lê Việt Kh, Hoàng Minh Tr, Trần Văn Băng, Mai Thị A cùng đồng phạm đã lợi dụng quy định tại Thông tư số 118/2009/TT - BTC ngày 09/6/2009 để nhập lậu xe ô tô từ Mỹ về Việt Nam B thủ đoạn thỏa thuận với các Việt kiều đang sinh sống tại Mỹ để mua tiêu chuẩn nhập khẩu xe ô tô theo diện hồi hương, Th toán tiền mua xe tại nước Mỹ, sau đó vận chuyển về Việt Nam tiêu thụ, thu lợi bất chính.

Để hợp thức hóa việc hồi hương giả tạo, H Phạm (Việt kiều Mỹ) thông qua một số đối tượng ở Việt Nam để cấu kết với cán bộ Công an xã L, L1, L4 và L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhập hộ khẩu thường trú khống cho 14 Việt kiều Mỹ, xác nhận các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu 14 xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Từ đó, H Phạm và các đồng phạm nhập lậu và tiêu thụ tại Việt Nam trót lọt 14 xe ôtô theo diện Việt kiều hồi hương với tổng trị giá 14 xe ô tô là 42.923.388.611 đồng, trốn thuế 19.100.131.940 đồng. Tương tự Mai Thị A (Việt kiều Mỹ) cũng thông qua một số đối tượng ở Việt Nam để cấu kết với cán bộ Công an xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhập hộ khẩu thường trú khống cho 3 Việt kiều (trong đó có Mai Thị A), xác nhận các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu 3 xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Từ đó, nhập lậu và tiêu thụ tại Việt Nam trót lọt 3 xe ôtô theo diện Việt kiều hồi hương với tổng trị giá 03 xe ô tô là 8.244.716.215 đồng, trốn thuế 3.659.596.237 đồng.

Cụ thể:

- Việt kiều **Nguyễn Đức Th1** (Th Duc Nguyen) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus LX570, số khung JTJHY7AX2D4100211, số máy 3UR3134114, theo Giấy phép nhập khẩu số 43/NK - OTO/PMD ngày 05/11/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 104/OTO/PMD ngày 10/11/2012 của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 4.265.606.072 đồng, số tiền thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Ngọc Khánh L** (Nguyen Khanh L Ngoc) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus RX350, số khung 2T2BK1BA1DC176948, số máy E163 541, theo Giấy phép nhập khẩu số 73/NK - OTO/PMD ngày 19/12/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 509/TSDC/PMD ngày 21/12/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) -Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.647.222.395 đồng, số tiền thuế trốn 1.175.027.116 đồng.

- Việt kiều **Cổ Kim Tr** (H J Co) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L,

huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus LX570, số khung JTJHY7AX5D4108092, so máy 3UR3145085, theo Giấy phép nhập khẩu số 74/NK - OTO/PMD ngày 19/12/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 508/TSDC/PMD ngày 21/12/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 4.265.606.072 đồng, số tiền thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

- Việt kiều **Võ Thị Huyền Tr1** (Vo Tr) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus LX570, số khung JTJHY7AX1D4092621, số máy 3UR3123418, theo Giấy phép nhập khẩu số 36/NK - OTO/PMD ngày 24/10/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 93/NOTO/PMD ngày 26/10/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 4.265.606.072 đồng, số tiền thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

- Việt kiều **Hàn Quang A** (Han A) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhập khẩu xe ô tô Lexus RX350, số khung JTJBK1BA8D2453207, số máy J601540, theo Giấy phép nhập khẩu số 44/NK-OTO/PMD ngày 05/11/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 450/TSDC/PMD ngày 12/11/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.647.222.395 đồng, số tiền thuế trốn 1.175.027.116 đồng.

- Việt kiều **Trương Thị Thu H** (Truong Kristie H) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus RX450H, số khung JTJBC1BA1D2053504, số máy J605783, theo Giấy phép nhập khẩu số 32/NK-OTO/PMD ngày 19/10/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 84/NOTO/PMD ngày 23/10/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 3.037.429.852 đồng, số tiền thuế trốn 1.348.229.165 đồng.

- Việt kiều **Phan Trần Phương Q** (Phan Q Phuong Tran) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Toyota Highlander SE, số khung 5TDZA3EH4CS028423, số máy 1ARM161018, theo Giấy phép nhập khẩu số 35/NK-OTO/PMD ngày 24/10/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 92/NOTO-PMD ngày 26/10/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 1.545.457.957 đồng, số tiền thuế trốn 713.879.700 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Minh H** (H Minh Nguyen) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Range Rover Evoque Dynamic, số khung SALVT2BG9DH710954, số máy

LVDH710954204PT, theo Giấy phép nhập khẩu số 02/NK-OTO/PMD ngày 04/01/2013 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan số 06/TSCD.OTO/PMD ngày 07/01/2013 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 1.340.628.201 đồng, số tiền thuế trốn 593.471.991 đồng.

- Việt kiều **Phạm Xuân Th** (Pham Th Xuan) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Audi Q7 3.0T, số khung WA1DGAFE6DD001538, số máy CTW002086, theo Giấy phép nhập khẩu số 65/NK-OTO/PMD ngày 12/12/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan số 497/NTSDC/PMD ngày 17/12/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.958.871.986 đồng, số tiền thuế trốn 1.366.765.518 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Nhất L** (Tony Nhat L) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus RX350, số khung 2T2BK1BA6DC171597, số máy E109150, theo Giấy phép nhập khẩu số 50/NK - OTO/PMD ngày 15/11/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan số 116/NK-OTO/PMD ngày 20/11/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.568.085.853 đồng, số tiền thuế trốn 1.139.900.644 đồng.

- Việt kiều **Lại Anh T** (T Anh Lai) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus GX460, số khung JTJJM7FXXD5050948, số máy 1UR0279953, theo Giấy phép nhập khẩu số 47/NK - OTO/PMD ngày 08/11/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 106/NK - OTO/PMD ngày 12/11/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 3.531.985.494 đồng, số tiền thuế trốn 1.567.748.420 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Thị Ngọc Th** (Th N Nguyen) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus ES350, số khung JTHBK1GG7D2017396, số máy J647184, theo Giấy phép nhập khẩu số 77/NK - OTO/PMD ngày 26/12/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 02/NK-OTO/PMD ngày 02/01/2013 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.546.630.338 đồng, số tiền thuế trốn 1.098.325.757 đồng.

- Việt kiều **Lâm Ngọc D** (Lam Ngoc D) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus RX450H, số khung JTJBC1BA4D2442086, số máy J612559, theo Giấy phép nhập khẩu số 51/NK - OTO/PMD ngày 15/11/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 112/NOTO/PMD ngày 16/11/2012 Chi cục Hải quan Cửa

khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 3.037.429.852 đồng, số tiền thuế trốn 1.348.229.165 đồng.

- Việt kiều **Trương Thị Thu Ng** (Ng Thi Thu Truong) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus LX570, số khung JTJHY7AX0D4097650, số máy 3UR3130546, theo Giấy phép nhập khẩu số 23/NK - OTO/PMD ngày 14/9/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 351/TSDC/PMD ngày 17/9/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 4.265.606.072 đồng, số tiền thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

- Việt kiều **Mai Thị A** (A Mai Thi) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô hiệu Lexus RX450H, số khung JTJBC1BA5C2431614, số máy J517299 theo Giấy phép nhập khẩu số 03/NK - OTO/PMD ngày 01/03/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 52/TSDC-PMD ngày 05/03/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.260.134.561 đồng, số tiền thuế trốn 1.003.209.779 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Đức D1** (D Duc Nguyen) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô hiệu Lexus LX570; số khung: JTJHY7AX7B4073391; số máy 3UR3097892 theo giấy phép nhập khẩu số 02/NK-OTO/PMD ngày 23/02/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 53/TSDC/PMD ngày 05/03/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 3.979.110.142 đồng, số tiền thuế trốn 1.766.214.400 đồng.

- Việt kiều **Nguyễn Thị C** (C Thi Nguyen) nhập hộ khẩu thường trú khống tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, đứng tên nhập khẩu xe ô tô Lexus RX350, số khung JTJBK1BA9C2442098, số máy J469589, theo Giấy phép nhập khẩu số 04/NK - OTO/PMD ngày 19/03/2012 của Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk, tờ khai hải quan nhập khẩu số 75/TSDC-PMD ngày 21/3/2012 Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (VICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự xe có giá trị 2.005.471.512 đồng, số tiền thuế trốn 890.172.058 đồng.

Hành vi cụ thể như sau:

I. Nhóm trực tiếp việc tổ chức nhập lậu xe ô tô:

1. H Phạm (Việt kiều Mỹ), là chủ mưu, cầm đầu, tổ chức đường dây buôn lậu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương nhập khẩu B thủ đoạn tổ chức việc thuê Việt kiều giả tạo việc hồi hương, thông qua một số đối tượng cấu kết cán bộ Công an xã L, L1, L4 và L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhập hộ khẩu thường trú khống cho các Việt kiều Mỹ, sau đó với đứng tên nhập khẩu xe ô tô, mua, Th toán tiền mua xe tại Mỹ, thuê hãng tàu vận chuyển 14 xe ô tô do các

Việt kiều Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Ngọc Khánh L, Cổ Kim Tr, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A, Trương Thị Thu H, Phan Trần Phương Q, Nguyễn Minh H, Phạm Xuân Th, Nguyễn Nhất L, Lại Anh T, Nguyễn Thị Ngọc Th, Lâm Ngọc D, Trương Thị Thu Ng đứng tên nhập khẩu từ Mỹ về Việt Nam tiêu thụ, thu lợi bất chính. Tổng trị giá 14 xe ô tô là 42.923.388.611 đồng, số thuế trốn 19.100.131.940 đồng. Quá trình điều tra, H Phạm đã bỏ trốn, hiện Cơ quan CSĐT - CA TP. Hồ Chí Minh đã quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với H Phạm.

2. Bùi Lê Việt Kh (Việt kiều Mỹ), khai: Quen H Phạm khi học tại Mỹ, năm 2012 H Phạm làm giám đốc Công ty Prestige Tranding, Công ty Golden Gragon tại Mỹ và chuyên mua bán xe ô tô các loại từ Mỹ về Việt Nam. H Phạm nói với Kh cần tìm thuê Việt kiều đứng tên nhập khẩu xe cho H Phạm; tìm thuê người làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú cho các Việt kiều, xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô; làm thủ tục đăng ký đăng kiểm; mở tờ khai nhập khẩu và tìm người bán xe cho H Phạm. Nếu làm được H Phạm sẽ trả tiền công cho Kh 10.000.000 đồng cho mỗi một công đoạn.

- Kh đã trực tiếp thỏa thuận, thuê 03 Việt kiều Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Minh H và Nguyễn Nhất L đứng tên nhập khẩu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương cho H Phạm. Tiền thuê các Việt kiều H Phạm trả, còn Kh được hưởng 30.000.000 đồng.

- Kh trực tiếp bán 05 xe ô tô do Việt kiều Nguyễn Nhất L, Trương Thị Thu H, Nguyễn Ngọc Khánh L, Lâm Ngọc D, Trương Thị Thu Ng đứng tên nhập khẩu. Toàn bộ số tiền bán xe thu được Kh giao hết cho H Phạm và hưởng công 10.000.000 đồng/xe.

- Kh nộp thuế tiêu thụ đặc biệt 07 lần trong đó do H Phạm đưa tiền 05 lần, Trần Văn B đưa tiền 02 lần. 02 lần Kh đề nghị H Phạm giao tiền cho Lý Th T đi nộp. Trương Công H là người giới Th Lý Th T.

- Kh thuê Trương Công H làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú khống, xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, làm thủ tục đăng ký đăng kiểm và mở tờ khai nhập khẩu (trọn gói) cho 14 Việt kiều Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Ngọc Khánh L, Cổ Kim Tr, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang An, Trương Thị Thu H, Phan Trần Phương Q, Nguyễn Minh H, Phạm Xuân Th, Nguyễn Nhất L, Lại Anh T, Nguyễn Thị Ngọc Th, Lâm Ngọc D, Trương Thị Thu Ng. Tiền công nhập hộ khẩu thường trú và xin giấy phép nhập khẩu xe ôtô là 80.000.000 đồng/ 01 Việt kiều, tiền công mở tờ khai nhập khẩu là 5.000 USD/01 xe (tương đương khoảng 100.000.000 đồng). Tiền công trả cho H là của H Phạm. H Phạm trả cho Kh tiền công 10.000.000 đồng/ 01 xe. Kh cung cấp địa chỉ email của H là hoatruong0202@gmail.com, qua kiểm tra có các nội dung trao đổi liên quan đến thủ tục nhập hộ khẩu thường trú, xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, làm thủ tục đăng ký, đăng kiểm và mở tờ khai nhập khẩu, có nội dung đề cấp là khai đưa T làm dịch vụ trọn gói là 5.000USD... nhưng không xác định được là xe nào, ai là người đứng tên nhập khẩu, hộ khẩu nào và ở đâu.

- Trương Công H là người giới Th Lý Th T cho Kh. H có yêu cầu Kh giao

hồ sơ cho T gồm: Hộ cH của Việt kiều (bản chính), đơn xin phép nhập hộ khẩu thường trú (mẫu đơn này do H giao, yêu cầu Việt kiều ghi thông tin cá nhân, ký tên và cung cấp 02 ảnh 3x4) để T mang về giao lại cho H. Sau khi H nhập hộ khẩu thường trú cho Việt kiều xong, H thông báo cho Kh biết địa chỉ thường trú của Việt kiều để Kh thông báo cho hãng tàu cập nhật thông tin, in bill và soạn thảo đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô; yêu cầu Kh giao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho các Việt kiều tại Mỹ, bill tàu (nếu chưa có Bill tàu thì Kh nhờ T đi đến công ty vận tải để lấy Bill tàu). Đồng thời thông báo cho Việt kiều ra Phòng công chứng G... để ký giấy ủy quyền cho Lý Th T làm thủ tục xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô, đăng ký đăng kiểm xe ô tô nhập khẩu, mở tờ khai nhập khẩu tại Cảng và yêu cầu Việt kiều ký đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô.

Tất cả việc thỏa thuận nhập hộ khẩu thường trú khống, làm thủ tục xin cấp giấy phép, mở tờ khai nhập khẩu và tiêu thụ các xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương; việc giao nhận hồ sơ, giao nhận tiền thuê Việt kiều, tiền công làm thủ tục nhập khẩu, tiền nộp thuế tiêu thụ đặc biệt giữa Bùi Lê Việt Kh với H Phạm và Trần Văn B được thực hiện tại nhà Kh, địa chỉ đường M, phường T, Quận 7 hoặc tại nhà H Phạm tại Tòa nhà S, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh, không có biên nhận. Đối với Trương Công H và Lý Th T thì Kh giao hồ sơ, giao tiền tại nhà Kh hoặc tại Ngân hàng H - Chi nhánh Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, không có biên nhận và không có ai chứng kiến.

Đối với các khoản tiền được nộp, rút ra từ các tài khoản cá nhân của Kh là tiền khách hàng Th toán tiền Kh bán xe dùm H Phạm: Kh chỉ bán xe cho Nguyễn Văn Ch ngụ tại Hà Nội nên các cá nhân chuyển tiền, nộp tiền mặt đều ở Hà Nội và là người nộp tiền mua xe của Ch. Tất cả tiền bán xe, Kh rút ra mang đến tòa nhà S để trả cho H Phạm, tất cả trả B tiền mặt, không có biên nhận, nhưng có lần K Phạm (người yêu H Phạm) hoặc người giúp việc của H Phạm chứng kiến. Có 02 lần H Phạm đề nghị Kh chuyển tiền vào tài khoản do Nguyễn Chí H đứng tên chủ tài khoản và 01 lần chuyển tiền vào tài khoản do Võ Phương đứng tên chủ tài khoản đều mở tại Ngân hàng H.

Đối với giấy ủy quyền, hợp đồng mua bán xe ô tô được lập khống là do H Phạm giao cho Kh để giao lại cho T và khách hàng ký tên. Thực tế, H Phạm là người làm khống nên Kh không biết như thế nào, do ai chứng thực thì Kh hoàn toàn không biết, không tham gia.

Ngoài ra, Kh còn khai nhận còn thuê 02 Việt kiều khác (không nhớ tên, nơi nhập hộ khẩu) đứng tên nhập khẩu xe ô tô cho H Phạm và được H Phạm trả số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời, còn bán cho anh Ch thêm khoảng 03 xe ô tô do các Việt kiều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Long An, 01 xe ô tô do các Việt kiều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hưng Yên, mỗi xe bán được, H Phạm trả 10.000.000 đồng/xe. Riêng đối với chiếc xe ô tô do Việt kiều Lê T B (em ruột vợ Kh) đứng tên nhập khẩu, chiếc xe này do B là người trực tiếp mua xe ô tô tại Mỹ, B muốn nhập khẩu về Việt Nam để sử dụng. Nhưng do Kh lúc đó đang ở Mỹ mới về Việt Nam nên không biết rõ thủ tục nhập hộ khẩu thường trú thế nào, thủ tục nhập khẩu xe ra sao. Thông qua sự giới Th của H Phạm, Kh đã thuê ông

Hoàng Minh Tr - Giám đốc Cty H làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú cho B và hướng dẫn thủ tục nhập khẩu xe ô tô cho B, nhưng Kh là người đứng tên ủy quyền. Sau này Kh biết được hộ khẩu thường trú của Lê T B tại tỉnh Bến Tre được Hoàng Minh Tr nhập khống.

Tổng trị giá 14 xe ô tô mà Bùi Lê Việt Kh giúp sức cho H Phạm buôn lậu là 42.923.388.611 đồng, số thuế trốn 19.100.131.940 đồng.

Quá trình điều tra Bùi Lê Việt Kh đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính do H Phạm trả là 290.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

3. Trần Văn B khai nhận:

B được H Phạm (H Phạm) và Bùi Lê Việt Kh trực tiếp thỏa thuận thuê đứng tên ủy quyền quản lý, sử dụng và mua bán xe ô tô do các Việt kiều đứng tên nhập khẩu gồm Nguyễn Đức Th1, Võ Thị Huyền Tr1, Nguyễn Thị Ngọc Th và Phạm Xuân Th. Đối với hồ sơ xe nhập khẩu của Việt kiều Võ Thị Huyền Tr1 đứng tên nhập khẩu: B trực tiếp nhận 02 hộ cH của Tr1 để photocopy, sao y bản chính rồi giao cho H Phạm. B đề nghị Tr1 đến Văn phòng công chứng G để ký đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe và ký hợp đồng ủy quyền cho Lý Th T đứng tên làm thủ tục xin cấp phép và nhập khẩu xe. B là người nhận từ H Phạm giấy đăng ký lưu hành chiếc xe Lexus 570 bản chính do Mỹ cấp để giao cho Bùi Lê Việt Kh theo yêu cầu của H Phạm. B liên hệ Tr1 đến Văn phòng công chứng G ký tên trên hợp đồng ủy quyền cho B đứng tên quản lý, sử dụng và bán xe. Sau khi Tr1 ký tên, B trực tiếp trả cho Tr1 2.000 USD. Chiếc xe này sau đó B đã ký bán theo yêu cầu của H Phạm.

- Đối với hồ sơ xe nhập khẩu của Việt kiều Trần Thị Mỹ Ch đứng tên nhập khẩu: theo yêu cầu của H Phạm, B đến Phòng công chứng G lập pH yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch và ký tên vào ủy quyền ngày 01/7/2013, số công chứng 012602 nội dung bà Trần Thị Mỹ Ch ủy quyền cho B được quản lý, sử dụng và bán chiếc xe ô tô hiệu Toyota, số khung 5TDYK3DC4DS304521, hồ sơ ủy quyền bà Châu đã ký sẵn tại Mỹ để tại Phòng công chứng G, do cán bộ Phòng công chứng tên Lộc giao. Chiếc xe này sau đó B đã ký bán theo yêu cầu của H Phạm, nhưng bán cho ai vào lúc nào B không nhớ.

B thừa nhận biết H Phạm và Bùi Lê Việt Kh tổ chức thuê Việt kiều, làm hộ khẩu khống hợp thức hóa hồ sơ hồi hương cho Việt kiều nhằm buôn lậu xe ô tô để trốn thuế do Kh đã đề nghị B làm. B không làm hộ khẩu khống nhưng vẫn giúp sức cho H Phạm liên hệ với Việt kiều để nhận hộ cH, sao y bản chính hộ cH, hướng dẫn Việt kiều làm thủ tục công chứng, Th toán tiền cho Việt kiều cũng như đứng tên ủy quyền quản lý, sử dụng và mua bán 04 xe ô tô theo yêu cầu H Phạm.

Tổng trị giá 04 xe ô tô B giúp sức cho H Phạm buôn lậu là 14.036.714.468 đồng, tổng số tiền thuế chưa nộp nếu không được miễn là 6.251.854,949 đồng.

4. Mai Thị A:

- Xác minh tại Cục Hải quan TPHCM và Cục Hải quan Đắk Lắk: Mai

Thị A, sinh ngày 25/11/1954, sử dụng hộ cH số B5159584 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 16/03/2011, có đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu chiếc xe ô tô Lexus RX450H, số khung JTJBC1BA5C2431614, số máy 1517299 và được Hải quan tỉnh Đắk Lắk cấp giấy phép số 03/NK-OTO/PMD, ngày 01/03/2012. Mai Thị A ủy quyền cho Hoàng Minh Tr (hiện nay đã chết ngày 19/05/2013) đứng tên xin cấp giấy phép nhập khẩu chiếc xe ô tô này, việc ủy quyền do Văn phòng công chứng G chứng thực ngày 01/03/2012.

- Đối với việc mở tờ khai nhập khẩu chiếc xe trên số 52/TSDC-PMD ngày 05/03/2012, do Ái trực tiếp ký tên trên hồ sơ, gồm: Tờ khai nhập khẩu, pH tiếp nhận bàn giao hồ Sơ cho Chi cục Hải quan khu vực 3, Giấy kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và B vệ môi Tr xe cơ giới nhập khẩu. Để được nhập khẩu xe ô tô, Mai Thị A đã đề nghị Đoàn Văn T1, cháu ruột Ái nhờ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Tiến D nhập hộ khẩu thường trú khống vào sổ hộ khẩu số 1733 do bà Đỗ Thị Thu Q, đứng tên chủ hộ tại Thôn 16, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Sau khi xe được thông quan, Mai Thị A là người đứng tên đăng ký xe tại Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Lâm Đồng và được cấp biển số đăng ký số 49A-014.05 vào ngày 12/03/2012. Ngày 14/03/2012, Phòng Công chứng G chứng thực hợp đồng ủy quyền số 004452 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD về việc bà Mai Thị A ký tên ủy quyền cho ông Lâm Nguyên M được quyền quản lý, sử dụng và bán chiếc xe ô tô Lexus có số khung JTJBC1BA5C2431614; số máy J517299, biển số 49A-014.05. Ngày 30/03/2012, Phòng Công chứng số 2, Vĩnh Phúc chứng thực hợp đồng mua bán số 1464, quyển số 1/TP/CC- SCC/HĐGD chứng thực việc ông Minh bán chiếc xe này cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, tại Nghệ An.

Kết quả giám định xác định: chữ viết, dấu vân tay đều là của Mai Thị A trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phi mậu dịch; Bảng cà số xe ô tô nhập khẩu; PH tiếp nhận, bàn giao hồ sơ hải quan; 02 Giấy ủy quyền cho Hoàng Minh Tr đứng tên làm thủ tục nhập khẩu; Văn bản đơn phương chấm dứt thực hiện giấy ủy quyền; Hợp đồng ủy quyền cho ông Lâm Nguyên M được quyền quản lý, sử dụng và bán chiếc xe ô tô Lexus có số khung JTJBC1BA5C2431614, số máy J517299, biển số 49A-014.05 do Ái là chủ sở hữu.

Quá trình điều tra xác định Mai Thị A còn đề nghị Đoàn Văn T1 nhờ Nguyễn Văn Th và Nguyễn Tiến D nhập hộ khẩu thường trú khống và xác nhận trên đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô cho Việt kiều Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Thị C. Tổng trị giá 03 xe ô tô Ái tham gia buôn lậu là 8.244.716.215 đồng, số thuế trốn là 3.659.596.237 đồng.

Hiện Mai Thị A đã xuất cảnh nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với Mai Thị A.

II. Nhóm Công an và liên quan trong việc cấp, nhập hộ khẩu khống, xác nhận đơn cho các Việt kiều:

Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã

thu thập các bộ hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu các xe ô tô trên tại Hải quan tỉnh Đắk Lắk, xác định: Trong hồ sơ có 12 hộ khẩu thường trú và 12 đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô do Nguyễn Tiến D - Trưởng Công an xã L trực tiếp ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu, xác nhận trên đơn (trong đó đơn của Trần Thị Mỹ Ch làm thủ tục thông quan tại Cảng Đà Nẵng); 04 hộ khẩu thường trú và 04 đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô do Lê Đình Tr - Trưởng Công an xã L1 trực tiếp ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu, xác nhận trên đơn; 01 hộ khẩu thường trú và 01 đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô do Đinh Văn H - Phó Trưởng Công an xã L2 trực tiếp ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu, xác nhận trên đơn; 01 hộ khẩu thường trú do Nguyễn Gia Th - Trưởng Công an xã L4 ký, đóng dấu nhập khẩu và 01 đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô do ông Phạm Ngọc Q - Phó Chủ tịch xã L4 trực tiếp ký tên, đóng dấu xác nhận trên đơn.

Hành vi cụ thể:

1. Nguyễn Tiến D - Nguyên trưởng công an xã L: Đã nhập và cấp hộ khẩu khống, ký tên, đóng dấu xác nhận đơn xin cấp phép nhập khẩu xe theo diện hồi hương cho 11 Việt kiều:

- Thông qua Phan Th H công tác tại Công an huyện B, Lâm Đồng giới Th D quen biết với Đậu Ngọc T. Tố giao hộ cH bản chính, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của 08 Việt kiều cho D ký tên, đóng dấu để nhập hộ khẩu khống và cấp khống hộ khẩu thường trú cho 08 Việt kiều gồm: Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Ngọc Khánh L, Cổ Kim Tr, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A, Trương Thị Thu H, Phan Trần Phương Q và Nguyễn Minh H tại xã L, B, Lâm Đồng. Đậu Ngọc T là người cung cấp 05 quyển sổ hộ khẩu mới và trực tiếp mượn 03 hộ khẩu thường trú của các gia đình khác để giao cho D cấp và nhập khống cho các Việt kiều.

- Nguyễn Văn Th là người trực tiếp đưa bản chính hộ cH, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của 03 Việt kiều Mai Thị A, Nguyễn Thị C và Nguyễn Đức D1 và Th mượn 03 bản chính hộ khẩu thường trú của Đỗ Thị Thu Q, Nguyễn Văn Kính và Trần Ngọc Khánh đứng tên chủ hộ giao cho D để ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu khống và cấp khống hộ khẩu thường trú cho 03 Việt kiều này.

Tổng trị giá 11 xe ô tô mà Nguyễn Tiến D nhập và cấp hộ khẩu khống, ký tên, đóng dấu xác nhận đơn xin cấp phép nhập khẩu xe cho 11 Việt kiều trên là 32.259.495.231 đồng, trốn thuế 14.345.376.836 đồng.

2. Lê Đình Tr - Nguyên Trưởng Công an xã L1: Đã ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu khống, xác nhận đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô theo diện hồi hương cho 04 Việt kiều gồm: Phạm Xuân Th, Nguyễn Nhất L, Lại Anh T và Nguyễn Thị Ngọc Th. 04 bản chính hộ khẩu thường trú của các chủ hộ Lê Hoàng Q1, Trần Thị H, Hà Thị O và Hoàng Văn M là do Tr trực tiếp mượn để nhập khống, các chủ hộ không biết. Tr khai là do Phan Th H đề nghị và giao hộ cH bản chính cho Tr.

Tổng trị giá 04 xe ô tô mà Lê Đình Tr nhập và cấp hộ khẩu tên, đóng dấu xác nhận đơn xin cấp phép nhập khẩu xe cho 4 Việt kiều trên là 11.605.573.671

đồng, trốn thuế 5.172.740.339 đồng.

3. Đinh Văn H - Nguyên Phó Trưởng công an xã L2: Đã ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu khống, xác nhận đơn xin cấp phép nhập khẩu xe ô tô theo diện hồi hương cho Việt kiều Lâm Ngọc D. Bản chính hộ khẩu của chủ hộ Nguyễn Thị D là do H trực tiếp mượn để nhập khống, chủ hộ không biết. H khai là do Đậu Ngọc T, Phan Th H đề nghị và giao hộ cH bản chính, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô cho H.

Trị giá xe ô tô mà H ký tên, đóng dấu nhập hộ khẩu khống, xác nhận đơn xin cấp phép là 3.037.429.852 đồng, trốn thuế 1.348.229.165 đồng.

4. Nguyễn Gia Th - Nguyên là Trưởng Công an xã L4: Do quen biết và nể nang Phan Th H, Đậu Ngọc T đề nghị nhập khống hộ khẩu thường trú cho Việt kiều Trương Thị Thu Ng vào sổ hộ khẩu do Đậu Ngọc T đứng tên chủ hộ tại địa chỉ Thôn 4, xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, về thủ tục, Thu đưa cho Tố 1 bản khai nhân khẩu, 01 phiếu báo thay đổi nhân khẩu để Tố khai và ký giả tên Nguyệt. Đồng thời Tố còn làm đơn cam kết B lãnh cho Nguyệt nhập hộ khẩu đứng tên Đậu Ngọc T và giả chữ ký của T đưa cho Th. Căn cứ vào các thông tin cá nhân của Trương Thị Thu Ng, Th đã nhập khống hộ khẩu cho Nguyệt vào trang thứ 12 của hộ khẩu. Sau đó giao lại cho Tố.

Th không biết mục đích nhập hộ khẩu khống là để hợp thức hóa hồ sơ nhập lậu xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Chỉ nghe Hà và Tố nói là để Việt kiều thuận tiện nhận hành lý. Th cũng không xác nhận đơn xin nhập khẩu xe theo diện hồi hương của Nguyệt. Quá trình điều tra Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi sai phạm của mình.

5. Đậu Ngọc T khai: Phan Th H là người giới Th Tố với Nguyễn Tiến D, Tố đã trực tiếp giao hộ cH bản chính, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của 08 Việt kiều cho D nhập khẩu khống và xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô.

- Đối với các hồ sơ giao cho Lê Đình Tr và Đinh Văn H: Lời khai ban đầu tại Cơ quan điều tra Công an huyện B và Cơ quan điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Tố đều thừa nhận trực tiếp đề nghị, giao hộ cH, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô cho Lê Đình Tr và Đinh Văn H để nhập hộ khống và ký xác nhận. Nhưng sau đó thay đổi lời khai: Tố cùng Phan Th H đến nơi làm việc của Đinh Văn H và Lê Đình Tr để nhờ nhập hộ khẩu khống cho các Việt kiều. Tuy nhiên, Tố nộp hồ sơ nhưng Tr không nhận, Tố giao cho Hà nộp, sau khi có hộ khẩu Tr giao cho Hà mang về giao cho Tố. Đối với Đinh Văn H, Tố ngồi ở ngoài và Hà là người mang hồ sơ nhờ H nhập hộ khẩu khống cho Việt kiều.

- Tố trực tiếp đề nghị và giao hộ cH bản chính của Việt kiều Thu Nguyệt và quyển hộ khẩu do Tố đứng tên chủ hộ cho Nguyễn Gia Th ký tên, đóng dấu để nhập hộ khẩu khống Việt kiều Trương Thị Thu Ng. Sau đó Tố giao đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe cho Phạm Ngọc Q - Phó chủ tịch xã L4 xác nhận đơn.

- Lý Th T là người gửi hộ cH bản chính, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu

xe ô tô cho Tố để Tố đề nghị các Trưởng, phó Công an xã nhập hộ khẩu khống và xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô. Sau khi có hộ khẩu, xác nhận đơn xong Tố gửi qua nhà xe Thành Bưởi giao cho Lý Th T.

Tổng trị giá 14 xe ô tô mà Đậu Ngọc T tham gia giúp sức nhập khống hộ khẩu, xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe là 42.923.388.611 đồng, trốn thuế 19.100.131.940 đồng.

6. Đoàn Văn T1 khai: Việt kiều Mai Thị A (là dì ruột T) về Việt Nam và trực tiếp đề nghị T nhập hộ khẩu thường trú khống cho Mai Thị A và Việt kiều Nguyễn Đức D1, Nguyễn Thị C, mục đích nhập hộ khẩu thường trú khống là để 03 Việt kiều này mang tài sản từ Mỹ về Việt Nam. Đoàn Văn T1 nhờ Nguyễn Văn Th giúp. Th có quen biết với Nguyễn Tiến D nên Th giao bản chính 03 hộ khẩu thường trú của Đỗ Thị Thu Q, Trần Ngọc Khánh và Nguyễn Văn Kính cho D nhập hộ khẩu khống cho 03 Việt kiều vào các sổ hộ khẩu thường trú này. Sau khi nhập hộ khẩu thường trú khống xong, Ái có giao cho T 03 đơn xin cấp phép nhập khẩu xe gửi Cục hải quan Đăk Lăk, nội dung các đơn có ghi rõ từng Việt kiều xin di chuyển 01 chiếc xe ô tô từ nước ngoài về theo diện tài sản di chuyển của người Việt Nam định cư ở nước ngoài trở về Việt Nam thường trú và đề nghị T nhờ D ký tên xác nhận đơn. Th là người trực tiếp giao các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của các Việt kiều Nguyễn Thị C, Mai Thị A và Nguyễn Đức D1 cho Nguyễn Tiến D xác nhận với nội dung "Các Việt kiều có hộ khẩu thường trú tại địa phương". Sau đó, T giao lại cho Mai Thị A.

Tổng trị giá 03 xe ô tô mà Đoàn Văn T1 tham gia giúp sức nhập khống hộ khẩu, xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe là 8.244.716.215 đồng, trốn thuế 3.659.596.237 đồng.

7. Nguyễn Văn Th khai: Do Đoàn Văn T1 nhờ Th nhập hộ khẩu thường trú khống dùm cho Việt kiều Mai Thị A, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Thị C. Th có quen biết với Nguyễn Tiến D nên Th đề nghị và giao bản chính 03 hộ khẩu thường trú của Đỗ Thị Thu Q, Trần Ngọc Khánh, Nguyễn Văn Kính cho D nhập hộ khẩu khống cho 03 Việt kiều vào 03 hộ khẩu này. Th là người trực tiếp giao các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của các Việt kiều Nguyễn Thị C, Mai Thị A và Nguyễn Đức D1 cho D xác nhận với nội dung "Các Việt kiều có hộ khẩu thường trú tại địa phương". Các đơn này do T giao cho Th. Sau khi D xác nhận xong, Th mang về giao cho T.

Tổng trị giá 03 xe ô tô mà Nguyễn Văn Th tham gia giúp sức nhập khống hộ khẩu, xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe là 8.244.716.215 đồng, trốn thuế 3.659.596.237 đồng.

Kết quả xác minh tại Công an huyện B và Công an tỉnh Lâm Đồng: Các hộ khẩu thường trú khống nêu trên do Nguyễn Tiến D - Nguyên trưởng Công an xã L; Lê Đình Tr - Trưởng Công an xã L1; Đinh Văn H - Nguyên Phó Công an xã L2; Nguyễn Gia Th - Nguyên trưởng Công an xã L4 nhập hộ khẩu thường trú khống. Sau khi phát hiện sự việc, Công an huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú trái pháp luật của các Việt kiều.

III. Nhóm Việt kiều được thuê đứng tên nhập khẩu xe ô tô:

1. Nguyễn Đức Th1 khai: Thực tế Th1 không hồi hương về Việt Nam, không có đăng ký thường trú tại địa chỉ thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Th1 về Việt Nam chơi với mục đích đứng tên nhập khẩu giùm L (không rõ nhân thân lai lịch) một chiếc xe ô tô Lexus 570, số khung JTJHY7AX2D4100211, số máy 3UR3134114 theo giấy phép nhập khẩu số 43/NK- OTO/PMD ngày 05/11/2012 do Cục Hải quan Đắk Lắk cấp và theo tờ khai nhập khẩu số 104/OTO/PMD ngày 10/11/2012 mở tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1. L thỏa thuận thuê Th1 đứng tên nhập khẩu chiếc xe ô tô tại Mỹ với giá 3.000USD, nhưng khi về Việt Nam, L có giới Th một người tên Kh (Bùi Lê Việt Kh) là người thuê Th1 đứng tên nhập khẩu xe ô tô, Kh trả tiền thuê 02 lần, lần thứ nhất đưa 1.500USD tại số 93/6/33 X, Phường 17, quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi Th1 tạm trú) khi Th1 ký tên trên các tờ giấy trắng, lần thứ hai sau khi Th1 ký tên trên hồ sơ có chứng thực tại Phòng công chứng xong, L đề nghị Th1 đến đường Bùi Viện, Quận 1 để Kh trả tiếp 33.000.000 đồng. Đồng thời, L có chi tiền mua vé máy bay khứ hồi cho Th1 bay từ Mỹ về Việt Nam chơi vào thời gian tháng 10, 11/2012. Đến nay, Th1 đã nộp 60.000.000 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả.

Trị giá xe ô tô mà Nguyễn Đức Th1 tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 4.265.606.072 đồng, số thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

2. Võ Thị Huyền Tr1 khai: Thực tế Tr1 không hồi hương về Việt Nam, chỉ về chơi với mục đích đứng tên nhập khẩu dùm H Phạm một chiếc xe ô tô Lexus 570, số khung: JTJHY7AX1D4092621, số máy: 3UR3123418 theo giấy phép nhập khẩu số 36/NK-OTO/PMD ngày 24/10/2012 do Cục hải quan tỉnh Đắk Lắk cấp và theo Tờ khai nhập khẩu số 93/NOTO/PMD mở tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 (C) - Cục hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2012 để được H Phạm trả công 2.000USD và mua vé máy bay khứ hồi Mỹ - Việt Nam cho Tr1. Khi về đến Việt Nam, Tr1 giao hai hộ cH bản chính (do Hoa Kỳ, Việt Nam cấp) cho Trần Văn B để làm hộ khẩu khống. Theo yêu cầu của B, Tr1 ký tên trên giấy ủy quyền cho Lý Th T đứng tên làm thủ tục nhập khẩu và thông quan xe, ký tên trên hợp đồng ủy quyền cho Trần Văn B được ủy quyền quản lý, sử dụng, bán xe... tại Văn Phòng Công chứng G và sau khi ký tên ủy quyền quản lý, bán xe xong, B trực tiếp trả cho Tr1 2.000USD. Ngoài ra, trong hồ sơ xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô có các chứng từ thể hiện H Phạm là chủ xe thực sự tại Mỹ, H Phạm trực tiếp ký tên bán xe cho Tr1, làm các thủ tục tuyên thệ và xuất khẩu chiếc xe tại Mỹ. Đến nay, Tr1 đã nộp 1.000USD cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để khắc phục hậu quả.

Trị giá xe ô tô mà Võ Thị Huyền Tr1 tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 4.265.606.072 đồng, số thuế trốn 1.893.381.837 đồng.

3. Nguyễn Đức D1 khai: Thực tế D1 không hồi hương về Việt Nam sinh sống. Vào khoảng tháng 01/2012, D1 từ Mỹ về Việt Nam để thăm gia đình tại 655 Phạm Văn Hai, Phường 3, quận T. D1 gặp người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch), qua trao đổi T biết D1 là Việt kiều Mỹ, về thăm gia đình lại đang thất

nghiệp nên T đề nghị D1 xác nhận hộ khẩu gốc tại Việt Nam giao cho T và đưa hai hộ cH do Mỹ và Việt Nam cấp cho T làm thủ tục nhập hộ khẩu thường trú cho D1 vào nhà ba mẹ D1, sau đó làm thủ tục nhập khẩu xe theo diện Việt kiều hồi hương từ Mỹ về Việt Nam, T đã làm toàn bộ hồ sơ nhập khẩu, D1 chỉ ký tên trên các giấy tờ theo yêu cầu của T, sau khi xe được nhập khẩu xong, T cho D1 1.000USD. D1 đã nộp số tiền 22.600.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để khắc phục hậu quả.

Tổng trị giá xe ô tô mà Nguyễn Đức D1 tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 3.979.110.142 đồng, số thuế trốn 1.766.214.400 đồng.

4. Nguyễn Minh H khai: Thực tế H không hồi hương về Việt Nam. Thông qua Việt kiều Cổ Kim Tr giới Th, H đứng tên nhập khẩu cho Kh một chiếc xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Toàn bộ thủ tục nhập khẩu Kh lo. Kh mua vé máy bay khứ hồi cho H từ Mỹ về Việt Nam thăm gia đình 01 tháng và cho H 1.000USD để H đứng tên nhập khẩu một chiếc xe từ Mỹ về Việt Nam cho Kh. H đã nộp 1.000USD và 10.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để khắc phục hậu quả.

Trị trị giá xe ô tô mà Nguyễn Minh H tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 1.340.628.201 đồng, số thuế trốn 593.471.991 đồng.

5. Nguyễn Nhất L khai: Thực tế L không hồi hương về Việt Nam sinh sống. Thông qua Việt kiều tên L3 (em Kh, đang sinh sống tại Mỹ) giới Th đứng tên nhập khẩu cho Kh một chiếc xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương, Kh đã mua vé khứ hồi cho L về Việt Nam chơi 01 tháng để đứng tên nhập khẩu cho Kh một chiếc xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Khi về đến sân bay Tân S Nhất, sau khi làm thủ tục nhập cảnh xong, Kh là người đến sân bay đón và đưa L đến nhà người quen của Kh tại Quận 7 để lưu trú, L giao cho Kh bản chính 02 hộ cH để làm thủ tục nhập khẩu xe. Sau khi Kh giao L ký tên trên hợp đồng giao xe cho người của Kh quản lý, sử dụng, bán xe xong thì Kh có cho L 4.000USD và trả lại bản chính 02 hộ cH cho L. L đã nộp 2.000 USD cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để khắc phục hậu quả.

Trị giá xe ô tô mà Nguyễn Nhất L tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 2.568.085.853 đồng, số thuế trốn 1.139.900.644 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Nhất L đã bỏ trốn, hiện Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và quyết định truy nã đối với Nguyễn Nhất L.

6. Hàn Quang A: Đứng tên xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô Lexus RX350, số khung JTJBK1BA8D2453207, số máy J601540 theo giấy phép nhập khẩu số 44/NK - OTO/PMD ngày 05/11/2012 do Cục Hải quan Đắk Lắk cấp và bộ tờ khai nhập khẩu số 450/TSDC/PMD ngày 12/11/2012 do Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn khu vực 3 (YICT) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hồ sơ có bản photocopy sổ hộ khẩu thường trú tại thôn 11, xã L, B, Lâm Đồng do Công an xã L cấp. Thủ tục nhập khẩu đã được Án ủy quyền có công chứng cho Lý Th T thực hiện. Ngoài ra, Án còn ký tên ủy quyền cho

Nguyễn Thành H quản lý, sử dụng, bán xe đối với chiếc xe Lexus trên. Hợp đồng này được công chứng viên T.pham, quận Orange, bang California chứng thực.

Kết quả giám định các tài liệu: Chữ viết trên pH yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch; chữ viết, dấu vân tay trên đơn xin phép nhập khẩu xe ô tô, giấy ủy quyền cho Lý Th T làm thủ tục nhập khẩu chiếc xe ô tô Lexus RX350 là do Án viết và lăn tay.

Tại Cơ quan điều tra Hàn Quang A khai: Có 01 chiếc xe ô tô hiệu Honda CRV, muốn mang về Việt Nam sử dụng, có quen biết với người tên Phan Th L1 (là cha Phan Trần Phương Q), L1 nhận làm thủ tục nhập khẩu xe về Việt Nam. Hồ sơ, hộ cH và xe Án đều giao cho L1, nhưng không thấy L1 làm thủ tục. Sau này L1 mua vé máy bay và đề nghị Án về Việt Nam làm thủ tục, sau đó L1 nói không làm thủ tục được, Hải quan không cho đem xe ra, vì cần về Mỹ, L1 đề nghị Án bán xe cho L1, khi đi công chứng xong L1 trả cho Hàn Quang A số tiến 12.000USD. Tuy nhiên, Án không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh về chiếc xe ô tô hiệu Honda CRV do Án đứng tên chủ sở hữu.

Hàn Quang A xác nhận những chữ ký trên hồ sơ nhập khẩu chiếc xe ô tô Lexus RX350 là chữ ký của Án, nhưng Án chỉ ký trên một số tờ giấy trắng khoảng 04 tờ theo yêu cầu của L1 để làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô hiệu Honda CRV do Án mua tại Mỹ. Người trực tiếp hướng dẫn Án đến Văn phòng Công chứng G ký tên ủy quyền cho Lý Th T làm thủ tục xin cấp giấy phép, mở tờ khai nhập khẩu xe ô tô là Trần Văn B. Án không nhập hộ khẩu thường trú tại huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chiếc xe ô tô Lexus RX350 do Phan Th L1 trực tiếp mua tại Mỹ, thuê hãng tàu, trả tiền cước vận chuyển từ Mỹ về Việt Nam và sau khi nhập khẩu xe, L1 là người quản lý, bán xe. Ngoài ra, L1 còn mua vé máy bay khứ hồi cho Án về Việt Nam nhưng Án không nhận khoản tiền nào của L1 về việc đứng tên nhập khẩu chiếc xe ô tô Lexus RX350 giúp cho L1.

Trị giá xe ô tô mà Hàn Quang A tham gia giúp sức cho H Phạm và các đồng phạm nhập lậu là 2.647.222.395 đồng, số thuế trốn 1.175.027.116 đồng.

Về hành vi của các đối tượng liên quan:

1. Phan Th H: Thừa nhận giới Th Đậu Ngọc T cho Nguyễn Tiến D, Lê Đình Tr, Đinh Văn H vì T cho biết những Việt kiều là bạn, các đối tác làm ăn nước ngoài với T mong muốn nhập hộ khẩu thường trú tại các xã của huyện B, tỉnh Lâm Đồng để về sinh sống, đầu tư, thu mua, sản xuất, kinh doanh ... nên Hà đồng ý điện thoại cho Nguyễn Tiến D; đi cùng T vào gặp Lê Đình Tr và Đinh Văn H và nhờ giúp giải quyết nhanh cho Tố. H không biết gì về việc nhập hộ khẩu thường trú là khống, không biết mục đích nhập hộ khâu khống là để nhập xe ô tô, không có nhận hộ cH, đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe từ T để giao cho Tr, H nhập hộ khẩu khống và xác nhận đơn. Kết quả đối chiếuất H giữ nguyên lời khai.

Đối với tin nhắn Lê Đình Tr cung cấp có nội dung "đang tìm quy định hồi hương" và tin nhắn "Anh nói thế là hại chú rồi" (có nghĩa anh nói thế là hại H rồi). H khai: vì Tr biết H trước đây công tác tại Đội an ninh, quản lý người nước

ngoài nên có điện thoại hỏi thêm về quy định hồi hương, nhờ H tìm hiểu và cho Tr các quy định hồi hương. Tin nhắn nội dung này là nhắn Hà đang tìm giúp Tr. Khi Tr làm việc với Cơ quan điều tra xong, Tr có điện thoại nói với H rằng "Tr khai với Cơ quan điều tra là H nhờ Tr giải quyết, cấp hộ khẩu cho các Việt kiều", lúc đó H nói với Tr rằng "H chỉ đi chung với T, T là người giao hồ sơ cho Tr làm, hồ sơ như thế nào H không biết, H chỉ giải thích với Tr rằng căn cứ vào thông tư số 06/2007/TT-BCA-C11 ngày 10/07/2007 và thông tư 05/2009/TTLT-BCA-BNG ngày 12/05/2009 của Bộ công an mà giải quyết cho các công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về sinh, sống để giải quyết, nếu đúng thì Tr giải quyết cho Tố, nếu không thì thôi.

1. Trương Công H: Qua làm việc, đối chiếuất H không thừa nhận các nội dung như Kh khai. H xác nhận có giới Th T (em vợ H) làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô cho Kh, còn cụ thể thủ tục thế nào là do Kh và T tự liên hệ, thỏa thuận; bản thân H có lập địa chỉ email hoatruong0202@gmail.com để sử dụng cho cá nhân từ khoảng năm 2007, nhưng đến đầu năm 2012 không còn sử dụng vì bị virut xâm nhập. H không biết gì về những nội dung email, không biết gì về số tiền thể hiện trong email và không biết ai là người sử dụng email này, Kh nhờ H nói với T làm thủ tục tái xuất dùm vài chiếc xe. Khi T làm thủ tục tái xuất các xe ô tô cho Kh, Kh có xin số tài khoản để chuyển tiền, H là người cho Kh số tài khoản của T, Kh (hoặc người nhà của Kh) có chuyển tiền cho T để đóng tiền phạt, tiền cước Container... số tiền này H rút ra giao cho T. Trước đây H có biết Đậu Ngọc T nhưng từ 2005 không còn gặp và liên L1.

Đậu Ngọc T khai không biết Trương Công H làm ở Cục Hải quan chỉ biết Trương Công H làm cán bộ thuế, việc làm hộ khẩu khống thì người giao các giấy tờ là Lý Th T, làm xong Tố gửi lại về cho T thông qua nhà xe, còn T giao lại cho ai Tố không biết.

2. Lý Th T: Khoảng tháng 6,7/2012, T đang là sinh viên của Tr đại học Ngoại thương, vì muốn học hỏi kinh nghiệm về thủ tục xuất nhập khẩu nên lúc đó Trương Công H có giới Th Kh là Việt kiều có nhiều bạn nhập khẩu xe về nên có công việc nhiều, H có cho số điện thoại của T để Kh liên L1 giao hồ sơ cho T. Đối với việc trả tiền công, H có trực tiếp trả cho T khoảng 05 đến 06 lần, 3.500.000đ/ một hồ sơ. Khi trả tiền, H nói Kh gửi trả tiền công làm thủ tục nhập khẩu xe ô tô cho T. Ngoài ra, Kh cũng là người trực tiếp trả tiền cho T. Đối với việc giao nhận hồ sơ với Đậu Ngọc T, T không biết rõ mối quan hệ giữa Tố với H như thế nào. Tuy nhiên, có 02 lần H đề nghị T liên hệ với Kh để lấy giấy tờ ra nhà xe Thành Bưởi gửi về B1, Lâm Đồng cho Tố và 02 lần H đề nghị T ra nhà xe Thành Bưởi lấy hồ sơ về giao cho Kh. Đồng thời, trong thời gian, cuối năm 2013 đầu năm 2014, H có mượn tài khoản số 6321205144703 và thẻ ATM của T mở tại Ngân hàng No&PTNT-Chi nhánh Bắc Sài Gòn để sử dụng. Vào thời gian đó ai là người chuyển tiền cho H, chuyển bao nhiêu tiền và H rút ra sử dụng vào việc gì thì T không biết.

Ngoài ra, T khai được Kh thuê đứng tên làm thủ tục xin cấp giấy phép cho 15 xe ô tô tại Cục Hải quan Đắk Lắk và làm thủ tục nhập khẩu 16 xe ô tô tại Cục Hải quan TP.HCM. T ký tên nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho 02 xe ô tô do Việt

kiều Nguyễn Đức Th1 và Lâm Ngọc D đứng tên nhập khẩu. T đến ký nhận nhiều bill tàu cho Kh. Ngoài ra, T đã sử dụng giấy ủy quyền giả do Công chứng viên Hoàng Minh Kh thuộc Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Vĩnh Phúc chứng thực số 6450 quyển số 03/2012.TP/CC - SCC/HDGD ngày 12/11/2012 do Việt kiều Lâm Ngọc D ủy quyền (vì ngày 31/10/2012, Dung đã xuất cảnh) nhưng T không biết là giả, để xin cấp giấy phép nhập khẩu xe, đăng ký đăng kiểm và mở tờ khai nhập khẩu xe ô tô cho Dung.

Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định T chỉ là người làm công cho Trương Công H và Bùi Lê Việt Kh trong việc làm thủ tục xin cấp giấy phép và mở tờ khai nhập khẩu xe ô tô. T chỉ làm theo yêu cầu của H, Kh và có ủy quyền hợp pháp của các Việt kiều tại các Văn phòng công chứng. T không biết cụ thể việc làm của Tố, Kh, H nên không đồng phạm, Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự.

3. Ông **Phan Th L1** và **Phan Trần Phương Q:** Phan Trần Phương Q có hộ cH Hoa Kỳ, là người đứng tên nhập khẩu xe ô tô hiệu TOYOTA Highlander, số khung 5TDZA3EH4CS028423, số máy 1ARM161018 theo giấy phép nhập khẩu số 35/NK-OTO/PMD do Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/10/2012, theo tờ khai nhập khẩu số 92/NOTO/PMD mở tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 (C) - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/10/2012. Theo đơn của Phan Th L1 - cha ruột Phan Trần Phương Q, Q bị bệnh câm điếc bẩm sinh, nhưng biết viết và hiểu tiếng Anh, Q không liên quan gì đến việc nhập xe. Theo hồ sơ cơ quan điều tra thu thập có một bản tự khai ngày 8/9/2015 ghi B tiếng Anh, sau khi dịch ra tiếng Việt có nội dung sau "Ông L1 là người giới Th cho Q biết H Phạm, ông L1 làm việc với H Phạm tại Mỹ khi H Phạm cùng sống với Q và gia đình tại Mỹ, ông L1 giao cho H Phạm 02 hộ cH của Q, Q không biết H Phạm sử dụng hộ cH vào việc gì, mẹ Q cũng biết H Phạm". Cơ quan điều tra đã triệu tập Phan Trần Phương Q và Phan Th L1 nhiều lần nhưng không lên làm việc.

Qua xác minh tại Cục A72-BỘ Công an cung cấp, Phan Th L1 xuất cảnh từ ngày 12/04/2016, Phan Trần Phương Q nhập cảnh ngày 24/7/2015, đến ngày 21/4/2016 chưa có kết quả thể hiện Q đã xuất cảnh.

Qua kết quả xác minh tại Công an phường T, thành phố B5, xác định Phan Th L1 có đăng ký thường trú tại nhà số HI, tổ 10, KP4, phường T, thành phố B5 (nay là số 128 đường Đồng Khởi, phường T, TP B5). Phan Trần Phương Q không có cư trú, tạm trú tại phường T1, thành phố B5, hiện nay không xác định được ở đâu.

5. Ông **Hoàng Minh Tr** - Giám đốc Công ty H: xác minh tại Công an Phường 15, Quận 10 xác định Tr cư ngụ tại B6, Phường 15, Quận 10, đã chết ngày 19/5/2013, do xuất huyết não.

6. Ông **Phạm Ngọc Q** - Phó chủ tịch xã L4 là người xác nhận đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của Việt kiều Trương Thị Thu Ng (hiện bị bệnh ung thư). Theo trình bày và tự khai của Quang: Đậu Ngọc T có mang giao cho Quang xác nhận một tờ đơn, sau khi đọc nội dung, Quang hỏi Tố có hộ khẩu thường trú không? Tố trả lời, "bà này đã làm thủ tục nhập hộ khẩu vào nhà em,

chú Thu -Trưởng Công an xã đang giữ hộ khẩu, có gì anh ký giùm em". Vì tin tưởng Tố nên Quang có ký tên xác nhận trên đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu xe ô tô của Nguyệt, không biết mục đích để nhập lậu và không nhận bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với Quang.

7. Đối với nhóm chủ hộ được lấy hộ khẩu để nhập khống cho các Việt kiều: Quá trình điều tra xác định các chủ hộ khẩu thường trú đều khai không quen biết, không gặp mặt các Việt kiều, không B lãnh cho các Việt kiều nhập hộ khẩu thường trú, các Việt kiều trên cũng không sinh sống tại nhà các chủ hộ nên không có cơ sở để xử lý.

8. Đối với các cá nhân nộp tiền vào tài khoản của Bùi Lê Việt Kh:

- Ông Nguyễn Văn Th khai: Th không biết Kh, không có giao dịch gì với Kh. Năm 2012, Th làm dịch vụ đăng ký, nộp thuế trước bạ và đăng kiểm xe ô tô cho khách có nhu cầu nên Th có biết một người phụ nữ tên L3 (không biết rõ họ tên, địa chỉ). L3 có thuê Th chở đến một số Ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hà Nội để rút và nộp tiền. Khi đến Ngân hàng L3 trực tiếp giao tiền mặt cho Ngân hàng và nhờ Th viết giấy nộp tiền dùm L3, nội dung trên giấy, số tài khoản nộp tiền do L3 cung cấp để Th ghi vào giấy nộp tiền, vì Th là người ghi giấy nộp tiền nên đã ghi số chứng minh nhân dân, ký tên người nộp tiền dùm L3. Chính vì vậy, các giấy nộp tiền mặt vào Ngân hàng H Việt Nam thể hiện do Th ghi nội dung, ký tên nộp cho Bùi Lê Việt Kh nhưng thực tế là tiền của L3 nộp cho Kh, và mỗi lần chở L3 đi đến ngân hàng như vậy, L3 trả tiền chạy xe ôm và bồi dưỡng thêm khoảng 300.000 đồng/lần cho Th.

- Ông Đinh Mạnh B khai: B không biết Nguyễn Thị Tr2, B không giao cho Tr2 bất kỳ khoản tiền nào để nộp vào tài khoản cho Bùi Lê Việt Kh. Việc Tr2 đã nộp tiền vào tài khoản cho Kh là tiền gì, B không biết, không liên quan. Đồng thời, B cũng không quan hệ gì, không trả tiền gì cho Kh, B không thuê Kh mở tờ khai nhập khẩu xe ô tô do Việt kiều Lê Phú T đứng tên nhập khẩu.

9. Đối với các đối tượng liên quan đến việc công chứng:

- Ông Đinh Văn D - Trưởng Văn Phòng Công chứng HB khai: Diễn có chứng thực Hợp đồng bán xe số 139, quyển số 03/CC-HĐ ngày 28/11/2012 cho Việt kiều Lê Phú T; Hợp đồng bán xe số 821, quyển số 01/TP/CC-SCC/HDGD ngày 06/02/2013 cho Việt kiều Nguyễn Minh H; Hợp đồng bán xe số 112, quyển số 04/CC-HĐ ngày 06/04/2013 cho ông Nguyễn Văn Ch. Tuy nhiên, Văn phòng công chứng HB không cung cấp được hồ sơ gốc vì tại thời điểm tháng 7/2013, do sơ xuất Văn phòng công chứng HB bị cháy.

- Ông Hoàng Minh Kh - Trưởng Văn Phòng Công chứng số 2, tỉnh Vĩnh Phúc khai: Văn Phòng Công chứng số 2 có tiếp nhận và chứng thực giấy ủy quyền cho Việt kiều Nguyễn Ngọc Khánh L và Lâm Ngọc D, Văn phòng Công chứng số 2, tỉnh Vĩnh Phúc đã cung cấp hồ sơ chứng thực giấy ủy quyền cho 02 Việt kiều này.

- Ông Lê H Ph - nguyên Trưởng Văn Phòng Công chứng số 2, tỉnh Hà

Nam, khai: Ph có công chứng hợp đồng mua bán xe giữa Việt kiều Nguyễn Ngọc Khánh L và Trần Minh Tr, hồ sơ do Phạm Bá H, công tác tại Sở Tư pháp, tỉnh Hà Nam nhờ công chứng, việc chứng thực hợp đồng này có người mua và người bán trực tiếp đến hay không thì Ph không nhớ. Sau khi công chứng, Ph giao cho Hoàng Mạnh Đ nhân viên của phòng công chứng vào sổ, đóng dấu, lưu hồ sơ, nhưng lý do hồ sơ này không được lưu giữ thì Ph không biết. Việc Ph ký tên trên các hợp đồng chứng thực giao dịch mua bán xe ô tô mà không có bên mua và bên bán tham gia là sai quy định của pháp luật, nhưng khi thực hiện công chứng có đầy đủ hồ sơ chứng minh nguồn gốc chiếc xe đã nhập khẩu, thông quan hợp pháp, việc chứng thực này không có hậu quả xảy ra, đồng thời Ph đã bị Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam kỷ luật buộc thôi chức vụ Trưởng văn phòng Công chứng số 2.

10. Đối với các đối tượng liên quan đến mua, bán xe:

- Ông Nguyễn Văn Ch - Giám đốc Cty N khai: Từ đầu năm 2012, thông qua bạn bè Ch quen biết với Bùi Lê Việt Kh. Kh giới Th có rất nhiều xe ô tô, nếu cần mua bán thì liên hệ với Kh, Ch đã mua của Kh khoảng 10 xe ô tô. Căn cứ vào hồ sơ mua bán xe ô tô do Cơ quan điều tra thu thập được, xác định Kh bán cho Ch các xe ô tô do Việt kiều Trương Thị Thu H, Nguyễn Nhất L, Trương Thị Thu Ng đứng tên nhập khẩu. Để thuận tiện cho việc mua bán xe Ch được Kh làm thủ tục cho Ch đứng tên và được Việt kiều Nguyễn Nhất L và Trương Thị Thu Ng ký ủy quyền quản lý, sử dụng và bán chiếc xe ô tô tại Mỹ. Đối với chiếc xe do Việt kiều Trương Thị Thu H đứng tên đã ký ủy quyền cho Lê Đại B1. Vì vậy, khi Ch bán được xe, Bửu là người ký tên bán chiếc xe này cho ông Lê Th B2. Việc Th toán tiền mua bán xe, Ch chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Bùi Lê Việt Kh số 31110000582009 mở tại Ngân hàng BIDV, chi nhánh Tây Sài Gòn và tài khoản số 040.01.01.450.290.8 mở tại Ngân hàng H Việt Nam hoặc Kh cử người đến nhận tiền mặt (Ch có cung cấp cho Cơ quan điều tra các giấy nộp tiền ủy nhiệm chi và giấy nhận tiền mua bán xe của Kh).

- Ông Lê Quý H - Giám đốc Công ty T khai: H Phạm - Giám đốc Cty GD, sử dụng số điện thoại 0908734399 trực tiếp ký gửi các xe do Việt kiều Hàn Quang A, Phan Trần Phương Q, Lại Anh T đứng tên nhập khẩu. H Phạm từng giao dịch mua bán xe ô tô với H từ trước, tin tưởng lẫn nhau nên việc ký gửi bán 03 xe ô tô trên không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Để thuận tiện cho việc mua bán, H đề nghị H Phạm thực hiện ủy quyền cho Nguyễn Thành H được quyền quản lý, sử dụng và bán 03 chiếc xe ô tô trên, việc soạn thảo, ủy quyền tại Mỹ như thế nào đều do H Phạm trực tiếp thực hiện, nên H không biết. H Th toán tiền bán xe cho H Phạm B tiền mặt. Nguyễn Thành H, khai là nhân viên của Lê Quý H, H nhờ Nguyễn Thành H đứng tên ủy quyền được quản lý, sử dụng và bán các xe trên. Việc mua bán các xe như thế nào, mua bán với ai, bao nhiêu tiền do H trực tiếp giao dịch, thực hiện.

- Ông Nguyễn Thái S - Chủ Salon S khai: Chỉ bán giùm Trân Văn B chiếc xe ô tô do Nguyễn Đức Th1 đứng tên theo hợp đồng ký gửi không số - 2012/HĐKG/TVB-NTS ngày 20/11/2012, gia bán xe là 4.000.000.000 đồng, phí gửi xe là 10.000.000 đồng/tháng. Chiếc xe trên được S bán cho Hoàng Anh T

(Công ty ô tô TH, địa chỉ tại A, phường N, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội) với giá 4 tỷ đồng, sau khi nhận tiền của T, S đã giao toàn bộ số tiền cho B theo biên bản Th lý hợp đồng ký gửi xe ngày 08/12/2012. Hiện S không biết chiếc xe trên T đã bán cho ai. Ngoài ra, S còn giới Th cho Dương Văn Đ bán một chiếc xe cho Nguyễn Văn Th.

- Ông Dương Văn Đ: Vào giữa tháng 12/2012, Trần Văn B có gặp Đ tại Đội đăng ký xe tại đường N1, quận B2. B cho biết có một chiếc xe Audi Q7 muốn bán với giá 3.135.000.000 đồng, nếu Đ bán được B sẽ cho Đ tiền hoa H 10.000.000 đồng. Sau đó, Đ có nói cho anh S biết nếu có ai mua xe Audi Q7 thì giới Th Đ bán. S có điện thoại và anh Nguyễn Văn Th - Chủ Salon TTP đồng ý mua với giá 3.135.000.000 đồng, sau đó anh S yêu cầu Đ liên hệ trực tiếp với Th. Ngày 22/12/2012, Đ yêu cầu B chạy đến 282 N1 để giao xe cho Đ, sau đó Đ chạy về giao xe cho Th. Khi giao xe, Th có yêu cầu Lê Văn G (nhân viên của Th) cung cấp giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu (B bản photocopy) cho Đ để Đ giao cho B làm hợp đồng ủy quyền cho G (theo yêu cầu của anh Th). Việc B làm hợp đồng ủy quyền cho G như thế nào Đ không biết. Khi Th bán được cho khách, Th có thông báo khách hàng mua xe của anh Th là công ty, vì vậy yêu cầu người bán phải xuất hóa đơn mới mua nhưng Th không có hóa đơn để xuất. Đ có nhờ chị L3 - Giám đốc Công ty Nguyễn H Nghĩa xuất giùm, chị L3 nói nếu xuất hóa đơn thì phải chịu tiền thuế GTGT là 10%. Khi Th trả tiền mặt cho Đ số tiền 3.135.000.000 đồng, Đ trả cho B đúng số tiền 3.135.000.000 đồng và được B trả tiền hoa H cho Đ số tiền 10.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thùy L3 khai: Vào giữa tháng 01/2012, Đ nói với L3 đã làm môi giới bán được chiếc xe ô tô Audi nhưng người mua xe yêu cầu phải xuất hóa đơn GTGT thì mới mua xe. Đ nhờ L3 giúp, L3 đông ý, L3 làm giấy ủy quyền cho Đ đại diện ký kết hợp đồng mua bán xe, sau khi Đ ký kết hợp đồng mua bán xe xong, Công ty Nguyễn H Nghĩa đã xuất hóa đơn bán chiếc xe trên cho Công ty TNHH TH, giá trên hóa đơn là 1.800.000.000 đồng, khi xuất hóa đơn Công ty TH, đến ngày 17/01/2013, Công ty TH có chuyên khoản vào tài khoản của Công ty NHN. Theo đê nghị của Đ, L3 viết giấy L tiền cho Lê Văn G được rút số tiền 1.636.360.000 đồng và giữ lại 163.685.759 đồng là tiền nộp thuế GTGT ghi trên hóa đơn. Thực tế, việc mua bán xe có ký kết hợp đồng mua bán hay không, ký với ai, như thế nào, L3 không biêt, không tham gia, việc này do Đ trực tiêp thực hiện.

- Ông Nguyễn Văn Th khai: Thông qua Nguyễn Thái S, Th có mua một chiếc xe ô tô hiệu Audi, số khung WA1DGAFE6DD001538, số máy CTW002086 với 3.135.000.000đ. Sau đó S yêu cầu Đ liên hệ trực tiếp với Th, giao xe cho Th. Khi giao xe xong, Th đề nghị Lê Văn G (là nhân viên của Th) cung cấp giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu (B bản photocopy) cho Đ để làm hợp đồng ủy quyền cho G. Khi Th bán được cho Lê H Hiệp - Giám đốc Công ty TH với giá 3.400.000.000 đồng và đề nghị xuất hóa đơn GTGT, nên Th đề nghị G đến Văn phòng công chứng G để ký hợp đồng mua bán xe lại với Đ (đại diện Cty NHN để Đ xuất hóa đơn) và Đ đã xuất hóa đơn GTGT về việc bán chiếc ô tô trên cho Công ty TH với giá 1,8 tỷ đồng (bao gồm thuế GTGT). Th

trả tiền mua xe cho Đ số tiền mặt 3.135.000.000 đồng. Khi Công ty TH có chuyển khoản vào tài khoản của đơn vị xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TH số tiền 1,8 tỷ đồng. Đơn vị xuất hóa đơn có viết giấy lãnh tiền cho Lê Văn G được rút số tiền 1.636.360.000 đồng và giữ lại 163.685.759 đồng là tiền nộp thuế GTGT ghi trên hóa đơn.

- Ông Vũ Ngọc B - Giám đốc Công ty TH khai: B và Hoàng Minh Tr - Giám đốc Công ty H quen biết nhau khoảng năm 2010, vì Tr chuyên kinh doanh xe ô tô tại Thành phố Hồ Chí Minh. B có nhu cầu mua xe ô tô để bán lại nên đã liên hệ với Tr qua điện thoại, B và Tr có ký kết các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào hợp đồng mua bán thể hiện B mua 03 chiếc xe ô tô do Việt kiều Nguyễn Đức D1, Nguyễn Thị C đứng tên nhập khẩu. Còn chiếc xe ô tô do Việt kiều Mai Thị A đứng tên nhập khẩu do B mua của ông Nguyễn Giang Th4. B Th toán tiền mua bán xe cho Tr và Thành đúng theo hợp đồng mua bán đã ký kết. Tr và Thành giao xe và các giấy tờ có liên quan tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Giang Th4 khai: Th4 làm nghề môi giới mua bán xe ô tô và Th4 có mua chiếc xe ô tô Lexus có số khung JTJBC1BA5C2431614, số máy J517299, biển số 49A-014.05 của ông Hoàng Minh Tr do bà Mai Thị A đứng tên sở hữu đê bán lại cho ông Vũ Ngọc B. Khi B bán được xe cho khách thì thông báo đế Th4 thông báo và giao lại Tr làm thủ tục bán xe cho khách của B. Việc ký kết hợp đồng mua bán xe như thế nào, ký kết tại đâu, do văn phòng công chứng nào chứng thực nội dung thì Th4 hoàn toàn không biết, không tham gia. Việc này do Hoàng Minh Tr trực tiếp thực hiện. Việc mua bán chiếc xe ô tô này Th4 hưởng được 60.000.000 đồng.

- Ông Lâm Nguyên M khai: Minh là nhân viên của Công ty H do ông Hoàng Minh Tr làm giám đốc, Minh thừa nhận có đứng tên ủy quyền quản lý, sử dụng và ký tên bán 03 xe nêu trên cho ông Tr, nguồn gốc xe, việc giao dịch mua bán xe như thế nào, bao nhiêu tiền do ông Tr trực tiếp thực hiện, nhận tiền bán xe nên Minh không biết.

Xác minh tại Cục cảnh sát giao thông - Bộ Công an và Cục Đăng kiểm Việt Nam xác định chủ sở hữu, biển số đăng ký các xe do Việt kiều trên đứng tên nhập khẩu, cụ thể:

- Xe do Việt kiều Nguyễn Đức Th1 đứng tên nhập khẩu do Nguyễn Công L, đứng tên chủ sở hữu, biển số đăng ký 51A-449.72;

- Xe do Phan Trần Phương Q đứng tên nhập khẩu do Lê Trọng T đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 88A-035.48;

- Xe do Trương Thị Thu H đứng tên nhập khẩu do Tống T đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 36A-042.52;

- Xe do Nguyễn Thị C đứng tên nhập khẩu do Bùi Khắc H đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 27A-019.87;

- Xe do Nguyễn Đức D1 đứng tên nhập khẩu do Lý Văn B đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 20A-029.89;

- Xe do Mai Thị A đứng tên nhập khẩu do Nguyễn Quốc T đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 37A-058.85;

- Xe do Cổ Kim Tr đứng tên nhập khẩu do Công ty TNHH TM H đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 15A-099.99;

- Xe do Nguyễn Ngọc Khánh L đứng tên nhập khẩu do Công ty TNHH P đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 51A-444.42;

- Xe do Hàn Quang A đứng tên nhập khẩu do Phạm Văn Ph đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 34A-032.34;

- Xe do Võ Thị Huyền Tr1 đứng tên nhập khẩu do Công ty CP Đ, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 43A-079.73;

- Xe do Nguyễn Minh H đứng tên nhập khẩu do Nguyễn Phương N, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 60A-156.22;

- Xe do Trương Thị Thu Ng đứng tên nhập khẩu do Bùi Văn C, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 29A-619.95;

- Xe do Lại Anh T đứng tên nhập khẩu do Lê Mạnh C, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 14A-053.39;

- Xe do Nguyễn Nhất L đứng tên nhập khẩu do Nguyễn Thu H, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 38A-046.09;

- Xe do Lâm Ngọc D đứng tên nhập khẩu do Công ty H, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 29A-822.57;

- Xe do Phạm Xuân Th đứng tên nhập khẩu do Cty TH, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 51A - 513.58;

- Xe do Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên nhập khẩu do Ngô Văn Th, đứng tên sở hữu, biển số đăng ký 92A-030.98;

Kết quả ghi lời khai và ủy thác ghi lời khai các cá nhân, tổ chức mua 17 xe được nhập lậu trên đều khai không biết xe có nguồn gốc nhập lậu. Trần Minh Tr - Giám đốc Công ty Pkhai: Tr đến Công ty cổ phần du lịch & vận tải D và trực tiếp gặp Bùi Lê Việt Kh để thỏa thuận, giao dịch mua chiếc xe ô tô hiệu Lexus, do Việt kiều Nguyễn Ngọc Khánh L đứng tên nhập khẩu với giá 124.000USD. Việc mua bán có hợp đồng. Công ty D có 02 giấy giới Th Kh - Trưởng phòng kinh doanh Công ty Dưcmg Đông đến Công ty Pnhận số tiền 1.827.700.000 đồng theo 02 pH thu của Công ty D và Kh ký tên nhận tiền trên 03 pH chi của Công ty P. Tuy nhiên, khi Kh làm thủ tục sang tên, đăng ký xe cho Tr, Kh có giao cho Tr ký hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 28/12/2012, do Văn phòng công chứng số II, tỉnh Hà Nam do công chứng viên Lê H Ph chứng thực số 2472, quyển số 03/2012/TP/CC-HĐMB, nội dung thể hiện Công ty Pmua xe của Nguyễn Ngọc Khánh L nhưng thực tế Tr không mua xe của Ly. Qua kết quả xác minh tại Cục quản lý Xuất Nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện Nguyễn Ngọc Khánh L xuất cảnh ngày 20/12/2012. Ngoài ra, Tr còn cung cấp bản chính hợp đồng mua bán xe với Công ty D, bản chính 03 giấy giới Th cho Kh và Trần Th T, bản chính 03 pH thu và bản chính 04 pH chi liên quan đến

việc nhận tiền mua bán xe ô tô.

Các cá nhân còn lại khai: Xe được mua từ S01 chiếc (do B đứng tên ủy quyền, ký gửi); mua của Vũ Ngọc B - Giám đốc Công ty TH, Hà Nội 03 chiếc; mua của Nguyễn Văn Ch - Giám đốc Cty N, Hà Nội 03 chiếc; mua của Lê Quý H - Giám đốc Công ty T 03 chiếc, mua của Nguyễn Văn Lợi (em Ch) 01 chiếc; người tên Việt (Auto B Việt, Hà Nội), số điện thoại 0943479999 bán 01 chiếc; Nguyễn Văn Th (Salon TTP) bán 01 chiếc; Trần Văn B đứng tên ủy quyền bán 02 chiếc; Lê Đại B1 (em họ Kh) đứng tên ủy quyền bán 01 chiếc giùm cho Kh.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 179/2019/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn B, Bùi Lê Việt Kh, Nguyễn Tiến D, Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Đậu Ngọc T, Nguyễn Văn Th, Đoàn Văn T1, Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A phạm tội "*Buôn lậu*".

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Gia Th phạm tội "*Giả mạo trong công tác*".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Bùi Lê Việt Kh:** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án (trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/6/2016 đến ngày 21/10/2016);

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Văn B:** 03 (ba) năm 7 (bảy) tháng 09 (chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2015 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả tự do ngay cho bị cáo Trần Văn B nếu không bị tạm giam về một tội khác.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D:** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 18/6/2015 đến ngày 30/6/2016.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Đình Tr:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên

án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H:** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Đậu Ngọc T:** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T1:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Đức Th1:** 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

10. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bị cáo **Võ Thị Huyền Tr1:** 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

11. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Đức D1:** 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

12. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bị cáo **Hàn Quang A:** 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

13. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Minh H**: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Gia Th:** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Án sơ thẩm còn tuyên buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trốn thuế, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị - Cụ thể:

- Ngày 17/6/2019 bị cáo Bùi Lê Việt Kh có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và xin xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

- Ngày 17/6/2019 bị cáo Nguyễn Đức D1 kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

- Ngày 17/6/2019 bị cáo Hàn Quang A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền và trách nhiệm dân sự của bị cáo.

- Ngày 14/6/2019 bị cáo Võ Thị Huyền Tr1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền và trách nhiệm dân sự của bị cáo.

- Ngày 13/6/2019 bị cáo Nguyễn Gia Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 10/6/2019 bị cáo Đậu Ngọc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 12/6/2019 bị cáo Nguyễn Tiến D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 01/7/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị: Không cho hưởng án treo đối với

các bị cáo Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Đoàn Văn T1, Nguyễn Văn Th – không áp dụng hình phạt tiền mà áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A.

- Ngày 17/6/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị yêu cầu: Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 05 bị cáo Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A. Buộc tất cả các bị cáo là đồng phạm "*Buôn lậu*" đều phải chịu trách nhiệm liên đới như nhau đối với số tiền 22.759.728.177 đồng theo mức độ giúp sức và hậu quả của hành vi đối với số tiền thuế đã bị thất thoát. Giành quyền khởi kiện cho các các bị cáo đối với các bị cáo đã bỏ trốn khi xét xử 03 bị cáo (nếu có yêu cầu).

Tịch thu xung công quỹ điện thoại di động hiệu Nokia N81 đã qua sử dụng, code 0550094, Imei 356994/01/293453/9 của bị cáo Nguyễn Tiến D là phương tiện phạm tội.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện trưởng Viện kiểm nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Lê Việt Kh, Nguyễn Tiến D, Đậu Ngọc T bị Tòa sơ thẩm xử các bị cáo hình phạt tù là có căn cứ, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

Đối với các bị cáo bị Tòa sơ thẩm xử án treo cũng như phạt tiền, quan điểm của Viện kiểm sát đã thể hiện rõ trong kháng nghị, đại diện Viện kiểm sát không phân tích thêm giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Lê Việt Kh cho rằng: Bị cáo là Việt kiều, không hiểu biết pháp luật Việt Nam, trong vụ án này bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức. Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án giam là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạt tiền bị cáo là phù hợp. Tòa sơ thẩm buộc bị cáo nộp lại số tiền thất thu thuế trong khi người được hưởng lợi là H Phạm là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung này.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến D cho rằng: Bị cáo D vì nể nang do quen biết với Phan Th H cán bộ cấp trên, bị cáo không biết việc cho nhập khẩu để các bị cáo khác nhập khẩu xe về Việt Nam. Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, mẹ ruột của bị cáo có nhiều huân huy chương trong kháng Ch. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đình Tr cho rằng: Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, không vụ lợi, có nhiều thành tích trong công tác, Tòa sơ thẩm xử các bị cáo án treo là đúng. Tiền thuế là H Phạm chiếm đoạt nên buộc các bị cáo bồi thường là chưa đúng.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H cho rằng: Bị cáo chỉ ký D1 nhất một hồ sơ, không vụ lợi. Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo án treo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử miễn khoản tiền thuế cho bị cáo.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Đậu Ngọc T cho rằng: Bị cáo chỉ là đồng phạm nhưng Tòa sơ thẩm xử bị cáo 04 năm tù, mức án cao nhất so với các bị cáo khác là chưa hợp lý, chưa đúng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn T1 cho rằng: Bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm, phạm tội thụ động do bà Mai Thị A dì ruột yêu cầu giúp đỡ. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th cho rằng: Bị cáo Th không phạm tội nhiều lần, hành vi của bị cáo không phải lỗi cố ý, không hưởng lợi, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị giữ y án sơ thẩm.

Ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thị Huyền Tr1, Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Minh H cho rằng: Cả 03 bị cáo định cư tại Mỹ, hiểu biết pháp luật Việt Nam hạn chế. Chủ mưu H Phạm đã lợi dụng các bị cáo để đưa các bị cáo phạm tội. Các bị cáo về Việt Nam hiện tại không có nơi cư trú ổn định, bị cáo Tr1 bị bệnh tật, con trai mang căn bệnh thế kỷ. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Án sơ thẩm buộc các bị cáo nộp số tiền thuế là chưa phù hợp. Kẻ chủ mưu và hưởng lợi số tiền thuế là Henela Phạm chứ không phải các bị cáo, nên buộc các bị cáo phải chịu số tiền thuế là không đúng.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Hàn Quang A cho rằng: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 300 triệu đồng và bồi thường về thuế. Mặc dù bị cáo bị truy tố ở khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự nhưng với vai trò đồng phạm, cấp sơ thẩm xử phạt tiền là có căn cứ. Việc phạt bị cáo mức cao nhất 300 triệu đồng là quá nặng. Bồi thường tiền thuế sơ thẩm buộc bồi thường trên 500 triệu đồng là không đúng vì tham gia việc buôn lậu này đến 07 người, mặt khác bị cáo không chiếm đoạt mà buộc bồi thường là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy việc Tòa sơ thẩm xử phạt các bị cáo phạm tội "*Buôn lậu*" là có căn cứ, đúng pháp luật bởi vì:

[1] Trong năm 2012 – 2013 H Phạm (*Việt kiều Mỹ*), Mai Thị A (*Việt kiều Mỹ*) cùng đồng phạm đã lợi dụng quy định tại Thông tư 118/2009/TT-BTC ngày 09/6/2009 để nhập lậu xe ô tô từ Mỹ về Việt Nam B thủ đoạn thỏa thuận với các Việt kiều đang sinh sống tại Mỹ để mua tiêu chuẩn nhập khẩu xe ô tô theo diện

hồi hương, Th toán tiền xe mua tại Mỹ, sau đó vận chuyển về Việt Nam tiêu thụ nhằm thu lợi bất chính.

Để hợp thức hóa việc hồi hương giả tạo, H Phạm thông qua một số đối tượng tại Việt Nam gồm Bùi Lê Việt Kh, Trần Văn B, Đậu Ngọc T để câu kết với cán bộ Công an xã L, L1, L4 và L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là Nguyễn Tiến D, Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Nguyễn Gia Th nhập hộ khẩu khống cho 14 Việt kiều Mỹ gồm: Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Ngọc Khánh L, Cổ Kim Tr, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A, Trương Thị Thu H, Phan Trần Phương Q, Nguyễn Minh H, Phạm Xuân Th, Nguyễn Nhất L, Lại Anh T, Nguyễn Thị Ngọc Th, Lâm Ngọc D, Trương Thị Thu Ng. Xác nhận các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu 14 xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương. Từ đó H Phạm và các đồng phạm nhập lậu và tiêu thụ tại Việt Nam trót lọt 14 xe ô tô với tổng giá trị là 42.923.988.611 đồng, trốn thuế 19.100.131.940 đồng.

Tương tự như H Phạm, Mai Thị A cũng thông qua Đậu Ngọc T, Đoàn Văn T1, Nguyễn Văn Th ở Việt Nam câu kết với Nguyễn Tiến D – nguyên trưởng Công an xã L nhập khẩu khống cho 03 Việt kiều là: Mai Thị A, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Thị C xác nhận các đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu 03 xe ô tô theo diện Việt kiều hồi hương, từ đó nhập lậu và tiêu thụ tại Việt Nam trót lọt 03 xe ô tô trị giá: 8.244.716.215 đồng, trốn thuế số tiền là: 3.659.596.237 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Buôn lậu*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Xét kháng cáo của Bùi Lê Việt Kh: Bùi Lê Việt Kh là Việt kiều Mỹ được H Phạm và Mai Thị A (*cũng là những Việt kiều Mỹ*) thuê làm thủ tục nhập khẩu xe về Việt Nam, Kh cũng là người đứng ra bán 05 chiếc xe ô tô do các Việt kiều đứng tên nhập về và cũng là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, mở tờ khai nhập khẩu. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Buôn lậu*" với vai trò đồng phạm tích cực. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, tuy nhiên xét thấy bị cáo là Việt kiều vai trò trong vụ án này là đồng phạm giúp sức cho H Phạm và Mai Thị A, số tiền được hưởng lợi (*do H Phạm cho*) 290.000.000 đồng bị cáo cũng đã nộp lại cho cơ quan điều tra. Đây là vụ án buôn lậu mục đích các bị cáo là không phải nộp khoản tiền thuế mà đúng ra phải nộp, do đó cần phải phạt nặng về kinh tế hơn là hình phạt tù đối với các bị cáo là Việt kiều. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo mà cần phạt bị cáo một khoản tiền lớn thay cho hình phạt tù cũng đủ nghiêm.

[2.2] Xét kháng cáo của Đậu Ngọc T: T quen biết với Phan Th H (*cán bộ Công an huyện B*) và thông qua H, T biết có người nhờ Tr – phó Công an xã làm giấy xác nhận khống cho những người Việt kiều không có hồi hương để hoàn chỉnh giấy tờ được miễn thuế nhập khẩu đối với tài sản mang theo về Việt Nam. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Đình Tr, Nguyễn Tiến D, Đinh Văn H khai không có quen biết T, vì nể nang Phan Th H là cán bộ Công an huyện B

nên mới ký vào giấy tờ hộ khẩu, qua đây cho thấy H là kẻ chủ mưu trong việc xác nhận khống việc hồi hương của các Việt kiều. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Th H là bỏ lọt tội phạm. Phân tích như vậy để thấy vai trò của Đậu Ngọc T trong vụ án là rất mờ nhạt, chỉ là người làm theo chỉ đạo của Phan Th H. Cán bộ Công an các xã ký khống vào hồ sơ không phải là ký theo yêu cầu của Đậu Ngọc T mà là ký cho Phan Th H. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ số lượng hồ sơ Đậu Ngọc T mang đi ký để xử bị cáo 04 năm tù, mức án cao hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án là chưa cá thể hóa hình phạt đúng với tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo. Từ phân tích trên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đậu Ngọc T, giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo. Quá trình điều tra không chứng minh được bị cáo có hưởng lợi trong việc này, bị cáo lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, có công việc ổn định, đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về điều kiện được hưởng án treo, bị cáo hội đủ các điều kiện theo quy định nên cho bị cáo được hưởng án treo không cần cách ly khỏi xã hội.

[2.3] Xét kháng cáo bị cáo Nguyễn Tiến D: Là trưởng Công an xã L, huyện B đã 08 lần ký khống các loại giấy tờ việc nhập hộ khẩu khống cho các Việt kiều, kết luận xuất phát từ mục đích vì việc làm của bị cáo D là giúp sức cho các bị cáo khác hoàn chỉnh hồ sơ để H Phạm và Mai Thị A nhập lậu số lượng xe vào Việt Nam nhằm trốn thuế nhà nước, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không phải là một hai lần mà là 08 lần cho nên không thể nói bị cáo vô ý, cả nể khi ký. Do đó Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp. Do đó việc bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.4] Xét kháng cáo bị cáo Nguyễn Gia Th: Nguyên là trưởng Công an xã L4, do nể nang Phan Th H (*cán bộ Công an huyện B*) Thu đưa cho Tố 01 bản khai nhân khẩu, một phiếu báo thay đổi nhân khẩu để Tố khai và ký tên Trương Thị Thu Ng, Th đã nhập khống hộ khẩu cho Ng vào hộ khẩu T. Th không biết mục đích nhập hộ khẩu khống là để hợp thức hóa hồ sơ nhập lậu xe ô tô và cũng không ký xác nhận đơn xin nhập khẩu xe theo diện hồi hương của Ng nên Thu bị truy tố tội "*Giả mạo trong công tác"* là có căn cứ. Mức án 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Do đó không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Th, giữ y án sơ thẩm.

[2.5] Xét kháng cáo của các bị cáo Hàn Quang A, Nguyễn Đức D1, Võ Thị Huyền Tr1 về việc đề nghị xem xét khoản tiền phạt mỗi bị cáo 300 triệu đồng là quá cao. Xét thấy các bị cáo là những Việt kiều bị H Phạm, Mai Thị A rủ về Việt Nam và nhờ ký một số giấy tờ liên quan nhằm đưa xe về Việt Nam tiêu thụ, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Buôn lậu*" với vai trò giúp sức. Tòa án cấp sơ thẩm phạt mỗi bị cáo 300 triệu đồng là phù hợp, nên bác kháng cáo xin giảm nhẹ khoản tiền phạt, giữ y án sơ thẩm. Đối với kháng cáo về việc nộp khoản tiền thất thu thuế, nội dung này sẽ nhận định ở phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Xét kháng nghị chuyển hình phạt tiền sang phạt tù giam đối với các bị cáo Hàn Quang A, Nguyễn Đức D1, Võ Thị Huyền Tr1 và Nguyễn Minh H. Như đã phân tích các bị cáo là Việt kiều ở Mỹ bị H Phạm, Mai Thị A và Nguyễn Nhất L rủ về Việt Nam, được H Phạm, Mai Thị A mua vé máy bay đi, về và cho một khoản tiền tiêu xài. Có Việt kiều nhiều năm chưa về quê nên khi H Phạm đặt yêu cầu thì ký một số giấy tờ liên quan để đưa xe về Việt Nam tiêu thụ, các bị cáo không trực tiếp đi làm thủ tục hồi hương, có thể nói các bị cáo đã bị H Phạm và Mai Thị A lợi dụng, hoàn cảnh hiện tại các bị cáo không có việc làm, bị cấm xuất cảnh nhiều năm nay. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ phạt tiền, không áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát phạt tù giam đối với các bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo không cho hưởng án treo đối với các bị cáo Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Đoàn Văn T1 và Nguyễn Văn Th. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, quá trình điều tra không chứng minh được các bị cáo có hưởng lợi, bị cáo Đinh Văn H ký một hồ sơ và được Phan Th H cho 500.000 đồng để đưa anh em Công an viên đi ăn cơm, số tiền này bị cáo H đã nộp lại. Các bị cáo Lê Đình Tr, Đinh Văn H là trưởng phó Công an xã phạm tội do nể nang Phan Th H, quá trình công tác tại địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đoàn Văn T1 là cháu Mai Thị A, Nguyễn Văn Th thực hiện hành vi phạm tội lần đầu. Tất cả 04 bị cáo có quan hệ nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có công việc làm ổn định. Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo là không trái với tinh thần Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về điều kiện cho hưởng án treo. Do đó không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát về việc chuyển tù treo sang giam đối với các bị cáo.

Đối với kháng nghị tịch thu xung công chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Tiến D xét thấy đây là phương tiện trao đổi của bị cáo D trong sinh hoạt hàng ngày, không chỉ dùng riêng cho việc phạm tội. Tòa sơ thẩm tuyên trả điện thoại trên cho bị cáo D là có căn cứ.

[3.3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc buộc tất cả các bị cáo đồng phạm tội "*Buôn lậu*" phải chịu trách nhiệm liên đới nộp lại đối với số tiền thất thu thuế (*22.759.728.177 đồng*) và giành quyền khởi kiện cho các bị cáo kiện đối với H Phạm, Mai Thị A, Nguyễn Nhất L B một vụ kiện dân sự (*nếu có yêu cầu*).

Theo kết luận điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát xác định H Phạm và Mai Thị A là người chủ mưu, cầm đầu buôn lậu nhập về Việt Nam 17 chiếc ô tô các loại (*H Phạm 14 chiếc – Mai Thị A 03 chiếc*) số tiền các bị cáo được hưởng do trốn thuế là: 22.759.728.177 đồng trong đó H Phạm: 19.100.131.040 đồng; Mai Thị A: 3.659.596.327 đồng.

Trước hết khẳng định việc buộc nộp lại số tiền trốn thuế là biện pháp tư pháp không phải trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại, do đó các đồng phạm không phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm đối với khoản tiền trên, mà ai là người hưởng lợi thì phải nộp lại. Quá trình điều tra cho thấy H Phạm, Mai Thị A và một số Việt kiều khác về Việt Nam mua bán xe và cơ quan chức năng cho xuất cảnh về Mỹ, việc buộc các bị cáo đồng phạm phải nộp lại số tiền H Phạm và Mai Thị A trốn thuế sau đó giành quyền khởi kiện cho các bị cáo đối với H Phạm và Mai Thị A B vụ kiện dân sự là không thực tế và bất lợi cho các bị cáo bởi lẽ:

- Bị cáo nào hưởng lợi bất chính từ việc nhận tiền của H Phạm hay Mai Thị A thì buộc các bị cáo phải nộp lại là đúng. Còn số tiền trốn thuế các bị cáo không được hưởng lợi thì không buộc các bị cáo phải nộp số tiền trên bởi vì:

+ Nếu lấy số tiền trốn thuế chia đều cho các bị cáo và buộc các bị cáo phải nộp lại thì mãi mãi các bị cáo không bao giờ được xóa án tích vì chưa thi hành phần dân sự. Trong khi nếu bắt và truy tố được H Phạm và Mai Thị A thì chỉ xử phần hình phạt, không buộc phần dân sự (*tiền trốn thuế*) đây là điều không hợp lý, bị cáo chấp hành xong phần hình phạt và đủ điều kiện được xóa án tích theo luật định.

+ H Phạm và Mai Thị A là công dân Mỹ vậy các bị cáo có được quyền khởi kiện B vụ kiện dân sự tại một Tòa án ở Mỹ không? Những Việt kiều có được sử dụng bản án Tòa án Việt Nam về Mỹ khởi kiện H Phạm và Mai Thị A tại Tòa án ở Mỹ không? Do đó việc bản án tuyên giành quyền khởi kiện cho các bị cáo đối với H Phạm và Mai Thị A B vụ kiện dân sự là không thực tế, một bản án tuyên tH căn cứ và không thi hành được. Do đó không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nội dung này, các bị cáo không phải chịu trách nhiệm phải nộp khoản tiền thất thu thuế. Khoản tiền thất thu thuế sẽ được giải quyết khi truy tố xét xử H Phạm và Mai Thị A. Do đó cần phải sửa lại án sơ thẩm phần buộc các bị cáo Bùi Lê Việt Kh, Trần Văn B, Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A liên đới nộp số tiền thuế mà H Phạm và Mai Thị A đã được hưởng lợi. Các luật sư bào chữa cho các bị cáo nêu quan điểm này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Do không phải nộp tiền thất thu thuế nên trả lại cho bị cáo Bùi Lê Việt Kh khoản tiền 2.300.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra xét xử sơ thẩm, đồng thời giải biên đối với việc phong tỏa tài khoản số tiền 1.878.637.200 đồng mang tên Bùi Lê Việt Kh mở tại Ngân hàng H Việt Nam.

[4] Trong vụ án này Phan Th H (*cán bộ Công an huyện B*) là kẻ cầm đầu chủ mưu yêu cầu cán bộ Công an xã làm khống các giấy tờ hồi hương của các Việt kiều: H sai Đậu Ngọc T đi thì H điện cho bị cáo D, bị cáo Tr, bị cáo H là trưởng hoặc phó Công an các xã thuộc huyện B, có nhiều Tr hợp Hà xuống gặp Tr hay H. H giữ vai trò chính trong việc xác nhận khống giấy tờ Việt kiều hồi hương. Cơ quan chức năng không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Th H là bỏ lọt tội phạm, Phan Th H là người đưa các bị cáo Công an xã vào con

đường phạm tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Th H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Bùi Lê Việt Kh, Đậu Ngọc T. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Gia Th. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tiền của bị cáo Hàn Quang A, Võ Thị Huyền Tr1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển hình phạt tiền sang hình phạt tù, từ treo sang giam và phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Lê Việt Kh, Nguyễn Tiến D, Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Đậu Ngọc T, Nguyễn Văn Th, Đoàn Văn T1, Nguyễn Đức Th1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Võ Thị Huyền Tr1, Hàn Quang A phạm tội "*Buôn lậu*". Nguyễn Gia Th2 phạm tội "*Giả mạo trong công tác*".

A. Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 58; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*)

Phạt tiền bị cáo **Bùi Lê Việt Kh** 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*).

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến D:** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước đó (*từ ngày 18/6/2015 đến ngày 30/6/2016*).

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Xử phạt bị cáo **Lê Đình Tr:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung 2017*)

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn H:** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L2, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt bị cáo **Đậu Ngọc T:** 03 (ba) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*)

Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T1:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th:** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố B1, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Đức Th1:** 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

9. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Phạt tiền bị cáo **Võ Thị Huyền Tr1:** 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

10. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Đức D1:** 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

11. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Phạt tiền bị cáo **Hàn Quang A:** 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

12. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Minh H**: 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi 2017*).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Gia Th:** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L4, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

B. Về biện pháp tư pháp:

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc buộc: Các bị cáo Bùi Lê Việt Kh, Trần Văn B, Nguyễn Tiến D, Lê Đình Tr, Đinh Văn H, Đậu Ngọc T, Đoàn Văn T1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Đức Th1, Võ Thị Huyền Tr1, Nguyễn Đức D1, Hàn Quang A, Nguyễn Minh H phải nộp số tiền trốn thuế của H Phạm và Mai Thị A.

2. Hoàn trả lại cho bị cáo Bùi Lê Việt Kh số tiền 2.300.000.000 đồng (*theo biên lai thu số 0049397 ngày 14/8/2018 và biên lai thu số 25661 ngày 09/5/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*).

Hủy bỏ quyết định phong tỏa tài khoản số 040.01.01.450.290.8 mang tên Bùi Lê Việt Kh mở tại Ngân hàng H Việt Nam đối với số tiền: 1.878.637.200 đồng.

3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến D 01 điện thoại di động hiệu Nokia N81 đã qua sử dụng, code 0550094, Imei 356994/01/293453/9.

4. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo được hưởng lợi cụ thể:

- 290.000.000 đồng do bị cáo Bùi Lê Việt Kh nộp theo giấy nộp tiền ngày 14/9/2016.

- 60.000.000 đồng do Nguyễn Đức Th1 nộp theo giấy nộp tiền ngày 23/6/2015.

- 22.600.000 đồng do Nguyễn Đức D1 nộp theo giấy nộp tiền ngày 05/01/2016.

- 10.000.000 đồng do Nguyễn Minh H nộp theo giấy nộp tiền ngày 01/2/2016.

- 500.000 đồng do Đinh Văn H nộp theo giấy nộp tiền ngày 26/10/2016.

Số ngoại tệ tổng cộng 4.000USD gồm:

- 1.000USD do Nguyễn Minh H nộp theo giấy nộp tiền ngày 01/2/2016.

- 2.000USD do Nguyễn Nhất L nộp theo giấy nộp tiền ngày 17/6/2015.

- 1.000USD do Võ Thị Huyền Tr1 nộp theo giấy nộp tiền ngày 28/8/2015.

(*Số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ số 3949.9058778 và 3949.9058787 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại kho bạc nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh*).

5. Các bị cáo là Việt kiều (*Bùi Lê Việt Kh, Võ Thị Huyền Tr1, Nguyễn Đức D1, Nguyễn Minh H, Hàn Quang A*) chỉ được xuất cảnh khi đã nộp đủ số tiền mà bản án đã tuyên và không bị ngăn chặn về hành vi khác theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tiến D, Nguyễn Gia Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo khác còn lại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Lê Thành Văn